

Số: 4711/BTC-KHTC

Về việc hướng dẫn thực hiện Quyết định số 787/QĐ-BTC ngày 30/3/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Hà Nội, ngày 09 tháng 4 năm 2012

Kính gửi: - Các đơn vị, tổ chức thuộc Bộ Tài chính.
- Các Dự án thuộc Bộ Tài chính.

Ngày 30/3/2012, Bộ trưởng Bộ Tài chính đã phê duyệt Quyết định số 787/QĐ-BTC về việc ban hành quy chế đấu thầu thực hiện mua sắm hàng hoá, dịch vụ tư vấn và lựa chọn nhà thầu xây dựng trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp thuộc Bộ Tài chính (thay thế Quyết định số 2368/QĐ-BTC ngày 20/9/2010). Để đảm bảo thực hiện thống nhất trong các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Tài chính và thuận lợi trong việc tổ chức thực hiện, tra cứu tài liệu, Vụ Kế hoạch - Tài chính hướng dẫn một số nội dung như sau:

1. Đối với các gói thầu đã được phê duyệt kế hoạch đấu thầu, hồ sơ mời thầu theo Quyết định số 2368/QĐ-BTC ngày 20/9/2010 của Bộ trưởng Bộ Tài chính: Các đơn vị tiếp tục thực hiện theo đúng phân cấp quy định tại Quyết định số 2368/QĐ-BTC.

Đối với các gói thầu chưa phê duyệt đấu thầu: Các đơn vị thực hiện theo đúng quy định tại Quy chế đấu thầu ban hành kèm theo Quyết định số 787/QĐ-BTC ngày 30/3/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Trường hợp kế hoạch đấu thầu, hồ sơ mời thầu đã trình theo phân cấp quy định tại Quyết định số 2368/QĐ-BTC ngày 20/9/2010 của Bộ trưởng Bộ Tài chính nhưng chưa được phê duyệt, các đơn vị thực hiện bàn giao hồ sơ theo quy định để tổ chức theo đúng quy định về phân cấp hiện hành.

2. Các nội dung điều chỉnh, sửa đổi bổ sung của Quy chế đấu thầu ban hành kèm theo Quyết định số 787/QĐ-BTC ngày 30/3/2012 so với Quy chế đấu thầu ban hành kèm theo Quyết định số 2368/QĐ-BTC ngày 20/9/2010 theo phụ lục đính kèm.

3. Việc đăng tải nội dung Quyết định số 787/QĐ-BTC ngày 30/3/2012, bao gồm: Quy chế đấu thầu, các mẫu hồ sơ mời thầu, mẫu báo cáo đánh giá hồ sơ dự thầu, mẫu báo cáo thẩm định kết quả đấu thầu, mẫu cung cấp thông tin đấu thầu... trên cổng thông tin điện tử Bộ Tài chính tại địa chỉ: <http://www.mof.gov.vn> (chuyên mục thông tin đấu thầu) và website nội bộ Bộ

09553383

Tài chính tại địa chỉ: <http://www.btc>, đề nghị các đơn vị truy nhập tra cứu, tải về các tài liệu.

Vụ Kế hoạch - Tài chính hướng dẫn để các đơn vị thuộc Bộ biết và triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo Bộ (để báo cáo);
- Cục TH&TKTC (để đăng công khai Quyết định số 787/QĐ-BTC)
- Lưu VT, KHTC.

TL. BỘ TRƯỞNG
VỤ TRƯỞNG VỤ KẾ HOẠCH - TÀI CHÍNH



Nguyễn Hồng Hà

Quyết định số 2368/QĐ-BTC	Quyết định số 787/QĐ-BTC
Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG	Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG
Điều 1. Mục tiêu ban hành Quy chế:	Điều 1. Mục tiêu ban hành Quy chế:
Điều 2. Đối tượng điều chỉnh của Quy chế:	Điều 2. Đối tượng điều chỉnh của Quy chế:
Điều 3. Quy chế này không áp dụng đối với các trường hợp:	Điều 3. Quy chế này không áp dụng đối với các trường hợp:
Điều 4. Giải thích từ ngữ trong hoạt động đấu thầu: 8. <i>Người có thẩm quyền</i> là người được quyền quyết định phê duyệt dự án, nội dung mua sắm, đấu thầu theo quy định của pháp luật và theo quy định phân cấp tại Chương X của Quy chế này. 9. <i>Chủ đầu tư</i> là người sở hữu vốn hoặc được giao trách nhiệm thay mặt chủ sở hữu, người vay vốn trực tiếp quản lý và thực hiện dự án quy định tại khoản 7 Điều này. <i>Thủ trưởng đơn vị mua sắm</i> là Thủ trưởng đơn vị sử dụng ngân sách được cấp có thẩm quyền giao nhiệm vụ mua sắm hàng hoá, dịch vụ. 13. <i>Nhà thầu tư vấn</i> là nhà thầu tham gia đấu thầu cung cấp các sản phẩm đáp ứng yêu cầu về kiến trúc và kinh nghiệm chuyên môn quy định tại khoản 37 Điều này. 14. <i>Nhà thầu cung cấp</i> là nhà thầu tham gia đấu thầu các gói thầu cung cấp hàng hóa, dịch vụ quy định tại khoản 38 Điều này. 15. <i>Nhà thầu xây dựng</i> là nhà thầu tham gia đấu thầu các gói thầu xây lắp quy định tại khoản 39 Điều này. 29. <i>Giá gói thầu</i> là giá trị gói thầu (không bao gồm dự phòng) được xác định trong kế hoạch đấu thầu trên cơ sở tổng mức đầu tư hoặc tổng dự toán, dự toán được duyệt và các quy định hiện hành khác. Khi mua sắm hàng hoá việc lập và xác định giá gói thầu trong kế hoạch đấu thầu, cơ quan, đơn vị mời thầu cần tham khảo giá hàng hoá cần mua của ít nhất 05 đơn vị cung cấp hàng khác nhau trên địa bàn để làm căn cứ xác định giá gói thầu, trong trường hợp không đủ 05 đơn vị trên địa bàn có thể tham khảo trên địa bàn khác hoặc thực hiện các phương pháp xác định giá: thẩm định giá tại cơ quan có chức năng thẩm định giá, phương pháp tính giá thành hoặc sử dụng kết quả mua sắm đối với sản phẩm tương tự, cùng chủng loại gần nhất. ... 44. <i>Thẩm định đấu thầu</i> là việc kiểm tra, đánh giá của cơ quan, tổ chức có chức năng thẩm định về kế hoạch đấu thầu, hồ sơ mời thầu và kết quả lựa chọn nhà thầu để làm cơ sở	Điều 4. Giải thích từ ngữ trong hoạt động đấu thầu: 8. <i>Người có thẩm quyền</i> là người được quyền quyết định phê duyệt dự án, nội dung mua sắm, đấu thầu theo quy định của pháp luật và theo quy định về phân cấp. 9. <i>Chủ đầu tư</i> là người sở hữu vốn hoặc được giao trách nhiệm thay mặt chủ sở hữu, người vay vốn trực tiếp quản lý và thực hiện dự án quy định tại khoản 7 Điều này. <i>Thủ trưởng đơn vị mua sắm</i> là Thủ trưởng đơn vị sử dụng ngân sách được cấp có thẩm quyền giao nhiệm vụ mua sắm hàng hoá, dịch vụ công nghệ thông tin không phải lập dự án và mua sắm hàng hoá, dịch vụ khác. 13. <i>Nhà thầu tư vấn</i> là nhà thầu tham gia đấu thầu cung cấp các sản phẩm đáp ứng yêu cầu về kiến trúc và kinh nghiệm chuyên môn quy định tại khoản 38 Điều này. 14. <i>Nhà thầu cung cấp</i> là nhà thầu tham gia đấu thầu các gói thầu cung cấp hàng hóa, dịch vụ quy định tại khoản 39 Điều này. 15. <i>Nhà thầu xây dựng</i> là nhà thầu tham gia đấu thầu các gói thầu xây lắp quy định tại khoản 40 Điều này. 29. <i>Giá gói thầu</i> là giá trị gói thầu (không bao gồm dự phòng) được xác định trong kế hoạch đấu thầu trên cơ sở tổng mức đầu tư hoặc tổng dự toán, dự toán được duyệt và các quy định hiện hành khác. Trong đó: - Đối với dự án đầu tư xây dựng cơ bản, dự án đầu tư công nghệ thông tin: Căn cứ tổng mức đầu tư hoặc tổng dự toán, dự toán được duyệt (không bao gồm dự án triển khai theo hình thức đấu thầu EPC) và các quy định hiện hành khác. - Đối với nội dung ứng dụng CNTT lập đề cương và dự toán chi tiết: Căn cứ đề cương và dự toán chi tiết được cấp có thẩm quyền theo quy định về phân cấp phê duyệt và các quy định hiện hành khác. - Đối với mua sắm hàng hoá, dịch vụ khác: Tham khảo giá hàng hoá cần mua của ít nhất 05 đơn vị cung cấp hàng khác nhau trên địa bàn để làm căn cứ xác định giá gói thầu, trong trường hợp không đủ 05 đơn vị trên địa bàn có thể tham khảo trên địa bàn khác, đảm bảo đủ 05 báo giá hoặc thực hiện các phương pháp xác định giá: thẩm định giá tại cơ quan có chức năng thẩm định giá, phương pháp tính giá thành hoặc sử dụng kết quả mua sắm đối với sản phẩm tương tự, cùng chủng loại gần nhất. ... 44. <i>Thẩm định đấu thầu</i> là việc kiểm tra, đánh giá của cơ quan, tổ chức có chức năng thẩm định về kế hoạch đấu thầu, hồ sơ mời thầu và kết quả lựa chọn nhà thầu để làm cơ sở cho người có thẩm quyền hoặc chủ đầu tư hoặc Thủ trưởng đơn vị mua sắm xem xét, quyết

Quyết định số 2368/QĐ-BTC	Quyết định số 787/QĐ-BTC
cho người có thẩm quyền hoặc chủ đầu tư xem xét, quyết định theo quy định tại Quy chế này. Việc thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu không phải là đánh giá lại hồ sơ dự thầu.	định theo quy định tại Quy chế này. Việc thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu không phải là đánh giá lại hồ sơ dự thầu.
<p>Điều 5. Nhiệm vụ quản lý hoạt động đấu thầu:</p> <p>1. Vụ Kế hoạch - Tài chính có nhiệm vụ giúp Bộ trưởng Bộ Tài chính tổng hợp, hướng dẫn, kiểm tra, kiểm soát các công việc có liên quan đến hoạt động mua sắm hoặc đấu thầu lựa chọn nhà thầu thực hiện mua sắm hàng hoá, dịch vụ, đầu tư xây dựng của các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ theo đúng quy định.</p> <p>2. Cục Tin học và Thống kê tài chính có nhiệm vụ giúp Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn, kiểm tra về tiêu chuẩn kỹ thuật, cấu hình và các công việc có liên quan đến hoạt động mua sắm hoặc đấu thầu lựa chọn nhà thầu đối với công tác mua sắm hoặc đấu thầu mua sắm hàng hoá, dịch vụ công nghệ thông tin của các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ theo đúng quy định.</p> <p>3. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ và Tổ trưởng Tổ thẩm định, Tổ chuyên gia đấu thầu chịu trách nhiệm cá nhân, toàn diện công tác tổ chức triển khai thực hiện mua sắm hoặc đấu thầu mua sắm hàng hoá, dịch vụ theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước và quy định tại Quy chế này.</p>	<p>Điều 5. Nhiệm vụ quản lý, trách nhiệm trong hoạt động đấu thầu:</p> <p>1. Nhiệm vụ quản lý hoạt động đấu thầu:</p> <p>1.1. Vụ Kế hoạch - Tài chính có nhiệm vụ giúp Bộ trưởng Bộ Tài chính tổng hợp, hướng dẫn, kiểm tra, kiểm soát các công việc có liên quan đến hoạt động mua sắm hoặc đấu thầu lựa chọn nhà thầu thực hiện mua sắm hàng hoá, dịch vụ, đầu tư xây dựng của các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ theo đúng quy định.</p> <p>1.2. Cục Tin học và Thống kê tài chính có nhiệm vụ giúp Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn, kiểm tra về tiêu chuẩn kỹ thuật, cấu hình và các công việc có liên quan đến hoạt động mua sắm hoặc đấu thầu lựa chọn nhà thầu đối với công tác mua sắm hoặc đấu thầu mua sắm hàng hoá, dịch vụ công nghệ thông tin của các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ theo đúng quy định.</p> <p>1.3. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ và Tổ trưởng Tổ thẩm định, Tổ chuyên gia đấu thầu chịu trách nhiệm cá nhân, toàn diện công tác tổ chức triển khai thực hiện mua sắm hoặc đấu thầu mua sắm hàng hoá, dịch vụ theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước và quy định tại Quy chế này.</p> <p>2. Trách nhiệm của các đơn vị trong hoạt động đấu thầu:</p> <p>2.1. Đấu thầu dịch vụ tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng, tư vấn lập dự án công nghệ thông tin (đối với nhà thầu là tổ chức):</p> <p>Người đứng đầu đơn vị được giao nhiệm vụ chuẩn bị dự án trong trường hợp gói thầu được thực hiện trước khi có quyết định đầu tư (chưa xác định được chủ đầu tư), tổ chức đấu thầu thực hiện toàn bộ các công việc liên quan đến dịch vụ tư vấn của các bước chuẩn bị đầu tư, thực hiện đầu tư, kết thúc đầu tư, cụ thể như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lập, trình, phê duyệt kế hoạch đấu thầu theo quy định tại khoản 1, điều 11 và khoản 2, điều 12, Nghị định số 85/2009/NĐ-CP và hồ sơ mời thầu theo quy định tại khoản 19, Điều 2 của Luật sửa đổi; - Tổ chức đấu thầu xử lý tình huống trong đấu thầu (nếu có) và đánh giá HSDT theo quy định. - Báo cáo, thẩm định kết quả đấu thầu theo quy định tại khoản 11, điều 2, Luật sửa đổi; Phê duyệt kết quả đấu thầu theo quy định tại khoản 12, điều 2 Luật sửa đổi. - Thông báo kết quả đấu thầu, thương thảo, ký hợp đồng với nhà thầu trúng thầu. <p>2.2. Đấu thầu mua sắm hàng hoá, dịch vụ:</p> <p>2.2.1. Đối với đấu thầu mua sắm hàng hoá, dịch vụ thuộc dự án đầu tư xây dựng cơ bản:</p> <p>a) Trách nhiệm của chủ đầu tư:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình kế hoạch đấu thầu lên người có thẩm quyền hoặc người được uỷ quyền quyết định đầu tư xem xét, phê duyệt; Trường hợp xác định được chủ đầu tư thì đơn vị thuộc chủ đầu tư có trách nhiệm trình kế hoạch đấu thầu lên người đứng đầu cơ quan chủ đầu tư để xem xét, phê duyệt. Khi trình duyệt kế hoạch đấu thầu, chủ đầu tư phải gửi kèm theo bản chụp các tài liệu

làm căn cứ lập kế hoạch đấu thầu theo quy định.

Trường hợp chưa xác định được chủ đầu tư thì đơn vị được giao nhiệm vụ chuẩn bị dự án có trách nhiệm trình kế hoạch đấu thầu lên người đứng đầu đơn vị mình để xem xét, phê duyệt. Người đứng đầu cơ quan chủ đầu tư, người đứng đầu đơn vị được giao nhiệm vụ chuẩn bị dự án chỉ định một đơn vị trực thuộc tổ chức thẩm định kế hoạch đấu thầu trước khi phê duyệt.

- Về hồ sơ mời thầu hoặc hồ sơ yêu cầu: Trình người đứng đầu cơ quan chủ đầu tư hoặc người đứng đầu đơn vị được giao nhiệm vụ chuẩn bị dự án phê duyệt.

- Tổ chức đấu thầu và đánh giá hồ sơ dự thầu theo quy định.

- Thẩm định, phê duyệt kết quả đấu thầu theo quy định.

- Thông báo kết quả đấu thầu, thương thảo, ký hợp đồng.

b) Trách nhiệm của cấp có thẩm quyền:

- Thẩm định kế hoạch đấu thầu: Trên cơ sở tờ trình kế hoạch đấu thầu, của chủ đầu tư, cơ quan, tổ chức (của cấp có thẩm quyền) thẩm định kế hoạch đấu thầu, lập báo cáo kết quả thẩm định trên cơ sở tuân thủ quy định tại Điều 65 của Luật Đấu thầu trình người có thẩm quyền phê duyệt.

- Phê duyệt kế hoạch đấu thầu: Người có thẩm quyền hoặc người được ủy quyền quyết định đầu tư, người đứng đầu cơ quan chủ đầu tư hoặc người đứng đầu đơn vị được giao nhiệm vụ chuẩn bị dự án trong trường hợp gói thầu được thực hiện trước khi có quyết định đầu tư có trách nhiệm phê duyệt kế hoạch đấu thầu trong thời hạn không quá 10 ngày, kể từ ngày nhận được báo cáo của cơ quan, tổ chức thẩm định.

2.2.2. Đối với mua sắm hàng hoá, dịch vụ thuộc dự án đầu tư công nghệ thông tin:

a) Trách nhiệm của chủ đầu tư:

- Trình kế hoạch đấu thầu lên người có thẩm quyền hoặc người được ủy quyền quyết định đầu tư xem xét, phê duyệt.

Khi trình duyệt kế hoạch đấu thầu, chủ đầu tư phải gửi kèm theo hồ sơ mời thầu, bản chụp các tài liệu liên quan (gồm: dự án đầu tư công nghệ thông tin được duyệt, thiết kế thi công và tổng dự toán được duyệt) làm căn cứ lập, xây dựng kế hoạch đấu thầu theo quy định.

- Lập, phê duyệt hồ sơ mời thầu hoặc hồ sơ yêu cầu theo quy định. Trường hợp hồ sơ mời thầu hoặc hồ sơ yêu cầu có nội dung khác so với dự thảo hồ sơ mời thầu kèm theo tờ trình cấp có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch đấu thầu hoặc không hoàn chỉnh theo nội dung cấp có thẩm quyền có ý kiến thì Chủ đầu tư phải báo cáo lại cấp có thẩm quyền xem xét trước khi phê duyệt, phát hành.

- Tổ chức đấu thầu và đánh giá hồ sơ dự thầu theo quy định.

- Thẩm định, phê duyệt kết quả đấu thầu theo quy định.

- Thông báo kết quả đấu thầu, thương thảo, ký hợp đồng.

b) Trách nhiệm của cấp có thẩm quyền: Trên cơ sở tờ trình kế hoạch đấu thầu của chủ đầu tư, cơ quan, tổ chức (của cấp có thẩm quyền) thẩm định kế hoạch đấu thầu, lập báo cáo kết quả thẩm định trên cơ sở tuân thủ quy định tại Điều 65 của Luật Đấu thầu trình người có thẩm quyền phê duyệt.

Trường hợp nội dung hồ sơ mời thầu hoặc hồ sơ yêu cầu sai khác so với nội dung dự án được duyệt hoặc có những nội dung chưa phù hợp cần điều chỉnh, cấp có thẩm quyền yêu

câu chủ đầu tư điều chỉnh cho phù hợp.

2.3. Đối với mua sắm hàng hoá, dịch vụ công nghệ thông tin không phải lập dự án:

2.3.1. Trách nhiệm của thủ trưởng đơn vị mua sắm:

a) Trình kế hoạch đấu thầu, hồ sơ mời thầu hoặc hồ sơ mời thầu lên người có thẩm quyền hoặc người được uỷ quyền quyết định mua sắm xem xét, phê duyệt.

Khi trình duyệt kế hoạch đấu thầu, hồ sơ mời thầu, thủ trưởng đơn vị mua sắm phải gửi kèm theo bản chụp các tài liệu làm căn cứ lập kế hoạch đấu thầu, hồ sơ mời thầu theo quy định.

b) Xây dựng hồ sơ mời thầu hoặc hồ sơ yêu cầu theo quy định (hồ sơ mời thầu hoặc hồ sơ yêu cầu có thể trình đồng thời với tờ trình kế hoạch đấu thầu) trình cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt.

c) Tổ chức đấu thầu và đánh giá HSDT, tổng hợp kết quả đấu thầu trình cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt theo quy định.

Trường hợp phải xử lý tình huống trong đấu thầu, Thủ trưởng đơn vị mua sắm báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt.

d) Trình kết quả đấu thầu để cấp có thẩm quyền xem xét phê duyệt kết quả đấu thầu.

đ) Thông báo kết quả đấu thầu, thương thảo, ký hợp đồng.

2.3.2. Trách nhiệm của cấp có thẩm quyền:

a) Thẩm định, phê duyệt kế hoạch đấu thầu: Trên cơ sở tờ trình kế hoạch đấu thầu của Thủ trưởng đơn vị mua sắm. Cơ quan, tổ chức (của cấp có thẩm quyền) thẩm định kế hoạch đấu thầu, lập báo cáo kết quả thẩm định trên cơ sở tuân thủ quy định tại Điều 86 của Quy chế này trình người có thẩm quyền phê duyệt.

b) Thẩm định, phê duyệt hồ sơ mời thầu hoặc hồ sơ yêu cầu: Căn cứ nội dung hồ sơ mời thầu hoặc hồ sơ yêu cầu do Thủ trưởng đơn vị mua sắm lập, trình. Cấp có thẩm quyền giao một đơn vị thẩm định làm cơ sở phê duyệt hồ sơ mời thầu theo quy định tại điều 27 của Quy chế này.

Mục a, b có thể được thực hiện đồng thời.

c) Xử lý tình huống trong đấu thầu: Trên cơ sở tờ trình xử lý tình huống của Thủ trưởng đơn vị mua sắm, cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt xử lý tình huống theo quy định.

d) Thẩm định, phê duyệt kết quả đấu thầu: Trên cơ sở hồ sơ trình duyệt về kết quả lựa chọn nhà thầu của Thủ trưởng đơn vị mua sắm, cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định kết quả lựa chọn nhà thầu theo quy định.

đ) Kiểm tra, kiểm toán (trước, trong và sau) công tác đấu thầu của Thủ trưởng đơn vị mua sắm.

2.4. Đối với mua sắm hàng hoá, dịch vụ khác:

2.4.1. Trách nhiệm của thủ trưởng đơn vị mua sắm:

a) Trình kế hoạch đấu thầu, hồ sơ mời thầu lên người có thẩm quyền hoặc người được uỷ quyền quyết định đầu tư xem xét, phê duyệt;

Đối với những hàng hoá, dịch vụ thuộc cấp phê duyệt Bộ trưởng Bộ Tài chính mà đơn vị thực hiện thuộc hệ thống dọc của Tổng Cục thì thủ trưởng đơn vị trực tiếp mua sắm có trách nhiệm trình kế hoạch đấu thầu, hồ sơ mời thầu lên đơn vị cấp trên trực tiếp để rà soát, tổng hợp (Đơn vị cấp trên trực tiếp có trách nhiệm rà soát, tổng hợp tối đa 15 ngày làm việc)

Quyết định số 2368/QĐ-BTC	Quyết định số 787/QĐ-BTC
	<p>trình Bộ (qua Vụ Kế hoạch - Tài chính) xem xét, phê duyệt. Khi trình duyệt kế hoạch đấu thầu, hồ sơ mời thầu, thủ trường đơn vị mua sắm phải gửi kèm theo bản chụp các tài liệu làm căn cứ lập kế hoạch đấu thầu, hồ sơ mời thầu theo quy định. b) Lập, trình cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt hồ sơ mời thầu hoặc hồ sơ yêu cầu. c) Tổ chức đấu thầu và đánh giá hồ sơ dự thầu, tổng hợp kết quả trình cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt theo quy định. Trường hợp phải xử lý tình huống trong đấu thầu, Thủ trưởng đơn vị mua sắm báo cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt. đ) Trình cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt kết quả đấu thầu theo quy định. đ) Thông báo kết quả đấu thầu, thương thảo, ký hợp đồng. 2.42. Trách nhiệm của cấp có thẩm quyền: a) Thẩm định, phê duyệt kế hoạch đấu thầu b) Thẩm định, phê duyệt hồ sơ mời thầu: Mục a, b có thể được thực hiện đồng thời. c) Xử lý tình huống trong đấu thầu. d) Thẩm định, phê duyệt kết quả đấu thầu theo quy định.</p>
Chương II PHẠM VI, DANH MỤC VÀ ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN ĐẤU THẦU	Chương II PHẠM VI, DANH MỤC VÀ ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN ĐẤU THẦU
<p>Điều 6. Phạm vi, danh mục hàng hoá, dịch vụ tư vấn và đầu tư xây dựng phải thực hiện đấu thầu hoặc lựa chọn nhà thầu: 4. Các loại hàng hoá, dịch vụ khác Trường hợp, mua sắm các loại ấn chỉ đặc biệt...phải được cấp có thẩm quyền theo quy định tại Chương X của Quy chế này phê duyệt trước khi đơn vị tổ chức triển khai thực hiện theo quy định</p>	<p>Điều 6. Phạm vi, danh mục hàng hoá, dịch vụ tư vấn và đầu tư xây dựng phải thực hiện đấu thầu hoặc lựa chọn nhà thầu: 4. Các loại hàng hoá, dịch vụ khác Trường hợp, mua sắm các loại ấn chỉ đặc biệt, ...phải được cấp có thẩm quyền theo quy định về phân cấp phê duyệt trước khi đơn vị tổ chức triển khai thực hiện theo quy định</p>
<p>Điều 7. Điều kiện thực hiện mua sắm hoặc đấu thầu mua sắm:</p> <p>1. Các đơn vị, tổ chức thuộc Bộ chỉ được mua sắm hoặc đấu thầu mua sắm hàng hoá trong phạm vi dự toán được duyệt, đảm bảo đúng nội dung và các điều kiện sau:</p> <p>a) Đối với mua sắm hàng hoá, dịch vụ tư vấn:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phải có dự toán của cấp có thẩm quyền phê duyệt. - Nội dung, danh mục hàng hoá, dịch vụ tư vấn được cấp có thẩm quyền phê duyệt. - Kế hoạch đấu thầu, hồ sơ mời thầu được người có thẩm quyền hoặc cấp có thẩm quyền phê duyệt theo phân cấp tại Chương X của Quy chế này. <p>b) Đối với dự án đầu tư xây dựng, cải tạo, sửa chữa lớn và lắp đặt thiết bị gắn với các công trình, hạng mục công trình:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dự án đầu tư xây dựng, cải tạo, sửa chữa lớn công trình xây dựng được cấp có thẩm quyền phê duyệt; - Thiết kế, dự toán được duyệt; - Kế hoạch vốn đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt; - Kế hoạch đấu thầu; hồ sơ mời thầu được người có thẩm quyền hoặc cấp có thẩm 	<p>Điều 7. Điều kiện thực hiện mua sắm hoặc đấu thầu mua sắm: Các đơn vị, tổ chức thuộc Bộ chỉ được mua sắm hoặc đấu thầu mua sắm hàng hoá trong phạm vi dự toán được duyệt, đảm bảo đúng nội dung và các điều kiện sau:</p> <p>1. Đối với các dự án đầu tư xây dựng, cải tạo, sửa chữa lớn và lắp đặt thiết bị gắn với các công trình, hạng mục công trình:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dự án đầu tư xây dựng, cải tạo, sửa chữa lớn công trình xây dựng được cấp có thẩm quyền phê duyệt; - Thiết kế, dự toán được duyệt; - Kế hoạch vốn đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt; - Kế hoạch đấu thầu. Hồ sơ mời thầu được người có thẩm quyền hoặc cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định về phân cấp. <p>2. Đối với các dự án đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dự án đầu tư công nghệ thông tin được cấp có thẩm quyền phê duyệt; - Thiết kế, dự toán được duyệt; - Kế hoạch vốn đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt; - Kế hoạch đấu thầu, Hồ sơ mời thầu được người có thẩm quyền hoặc cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định về phân cấp.

Quyết định số 2368/QĐ-BTC	Quyết định số 787/QĐ-BTC
<p>quyền phê duyệt theo phân cấp tại Chương X của Quy chế này.</p> <p>2. Đối với việc mua sắm hoặc đấu thầu mua sắm hàng hoá, dịch vụ công nghệ thông tin, ngoài các điều kiện được quy định tại điểm 1 nêu trên các đơn vị, tổ chức thuộc Bộ khi mua sắm hoặc đấu thầu mua sắm đảm bảo thống nhất theo các quy định quản lý về công nghệ thông tin hiện hành của Nhà nước và của Bộ Tài chính.</p> <p>3. Cá nhân trực tiếp tham gia hoạt động đấu thầu phải có chứng chỉ đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ về đấu thầu, trừ các nhà thầu.</p>	<p>3. Đối với mua sắm hàng hoá, dịch vụ công nghệ thông tin không phải lập dự án và đấu thầu mua sắm hàng hoá, dịch vụ khác</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phải có dự toán của cấp có thẩm quyền phê duyệt. - Nội dung, danh mục hàng hoá, dịch vụ được cấp có thẩm quyền phê duyệt. - Kế hoạch đấu thầu, Hồ sơ mời thầu được người có thẩm quyền hoặc cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định về phân cấp. <p>4. Cá nhân trực tiếp tham gia hoạt động đấu thầu phải có chứng chỉ đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ về đấu thầu, trừ các nhà thầu.</p>
<p>Chương III TRÌNH TỰ ĐẤU THẦU, HÌNH THỨC LỰA CHỌN NHÀ THẦU VÀ ĐIỀU KIỆN THAM GIA DỰ THẦU</p>	<p>Chương III TRÌNH TỰ ĐẤU THẦU, HÌNH THỨC LỰA CHỌN NHÀ THẦU VÀ ĐIỀU KIỆN THAM GIA DỰ THẦU</p>
<p>Điều 8. Trình tự triển khai công tác đấu thầu: Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ khi tổ chức triển khai đấu thầu mua sắm hàng hoá, dịch vụ tư vấn, dự án đầu tư xây dựng được thực hiện thống nhất theo trình tự như sau: Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ được phân cấp và uỷ quyền trong hoạt động đấu thầu theo quy định tại Chương X của Quy chế ...</p>	<p>Điều 8. Trình tự triển khai công tác đấu thầu: Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ khi tổ chức triển khai đấu thầu mua sắm hàng hoá, dịch vụ tư vấn, dự án đầu tư xây dựng, dự án đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin được thực hiện thống nhất theo trình tự như sau: Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ được phân cấp và uỷ quyền trong hoạt động đấu thầu theo quy định về phân cấp ...</p>
<p>Điều 9. Hình thức lựa chọn nhà thầu: Bao gồm hình thức đấu thầu và hình thức mua sắm không phải đấu thầu...theo phân cấp tại Quy chế này.</p>	<p>Điều 9. Hình thức lựa chọn nhà thầu: Bao gồm hình thức đấu thầu và hình thức mua sắm không phải đấu thầu..... theo quy định về phân cấp.</p>
<p>Điều 10. Phương thức đấu thầu:</p>	<p>Điều 10. Phương thức đấu thầu:</p>
<p>Điều 11. Hình thức đấu thầu rộng rãi:</p>	<p>Điều 11. Hình thức đấu thầu rộng rãi:</p>
<p>Điều 12. Hình thức đấu thầu hạn chế: 2. Khi thực hiện đấu thầu hạn chế và phải được phê duyệt trong kế hoạch đấu thầu, Thủ trưởng đơn vị mua sắm (bên mời thầu) phải trình Thủ trưởng cơ quan có thẩm quyền theo phân cấp tại Chương X của Quy chế này phê duyệt bằng văn bản trước khi tổ chức thực hiện.</p>	<p>Điều 12. Hình thức đấu thầu hạn chế: 2. Khi thực hiện đấu thầu hạn chế phải được phê duyệt trong kế hoạch đấu thầu, Thủ trưởng đơn vị mua sắm (bên mời thầu) hoặc chủ đầu tư (đối với dự án đầu tư xây dựng, dự án đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin) phải trình người có thẩm quyền theo quy định về phân cấp phê duyệt bằng văn bản trước khi tổ chức thực hiện.</p>
<p>Điều 13. Hình thức chỉ định thầu: 1. Được áp dụng đối với gói thầu có giá trị trong hạn mức được chỉ định thầu theo quy định bao gồm: a) Gói thầu dịch vụ tư vấn có giá gói thầu không quá 03 tỷ đồng; gói thầu mua sắm hàng hóa có giá gói thầu không quá 02 tỷ đồng; gói thầu xây lắp, gói thầu lựa chọn tổng thầu xây dựng (trừ gói thầu lựa chọn tổng thầu thiết kế) có giá gói thầu không quá 05 tỷ đồng thuộc dự án đầu tư phát triển, dự án cải tạo sửa chữa lớn theo quy định của Luật Đấu thầu;</p>	<p>Điều 13. Hình thức chỉ định thầu: 1. Được áp dụng đối với gói thầu có giá trị trong hạn mức được chỉ định thầu theo quy định bao gồm: a) Gói thầu dịch vụ tư vấn có giá gói thầu không quá 03 tỷ đồng, gói thầu mua sắm hàng hóa có giá gói thầu không quá 02 tỷ đồng, gói thầu xây lắp, gói thầu lựa chọn tổng thầu xây dựng (trừ gói thầu lựa chọn tổng thầu thiết kế) có giá gói thầu không quá 05 tỷ đồng thuộc dự án đầu tư xây dựng, dự án cải tạo sửa chữa lớn theo quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 40 Nghị định 85/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009 của Chính phủ; Được áp dụng quy định chỉ định thầu đối với các nội dung ứng dụng công nghệ thông tin thuộc các hạng mục đầu tư của các dự án đầu tư xây dựng công trình được xây dựng với mục</p>

03/2024/02

Quyết định số 2368/QĐ-BTC	Quyết định số 787/QĐ-BTC
<p>b) Gói thầu mua sắm tài sản có giá không quá 100 triệu đồng để duy trì hoạt động thường xuyên theo quy định của Luật Đấu thầu.</p> <p>Trường hợp, Thủ trưởng đơn vị, chủ đầu tư nếu thấy không cần thiết chỉ định thầu thì tổ chức đấu thầu theo quy định.</p> <p>4. Khi thực hiện chỉ định thầu, ...theo phân cấp tại <u>Chương X của Quy chế này</u></p>	<p>tiêu phục vụ cho hoạt động thông tin liên lạc, hoạt động chung của công trình như hệ thống dây mạng, hệ thống giám sát, hệ thống an ninh, hệ thống phòng chống cháy nổ, hệ thống điều hoà, hệ thống âm thanh, hệ thống điện, hệ thống thang máy, hệ thống bơm nước được quản lý theo quy định của Luật Xây dựng và các văn bản pháp luật của nhà nước về xây dựng.</p> <p>Không áp dụng chỉ định thầu nêu trên đối với phần ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng vốn ngân sách nhà nước trong các dự án đầu tư xây dựng công trình và các dự án đầu tư không có xây dựng công trình được quản lý như đối với một dự án ứng dụng công nghệ thông tin độc lập theo quy định tại Quy chế đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin do Bộ Tài chính ban hành.</p> <p>b) Gói thầu mua sắm hàng hoá, có giá không quá 100 triệu đồng để duy trì hoạt động thường xuyên theo quy định của Luật Đấu thầu.</p> <p>Trường hợp không cần thiết chỉ định thầu thì thủ trưởng đơn vị, chủ đầu tư tổ chức đấu thầu theo quy định.</p> <p>4. Khi thực hiện chỉ định thầu... theo quy định về phân cấp...</p>
Điều 14. Hình thức mua sắm trực tiếp:	Điều 14. Hình thức mua sắm trực tiếp:
Điều 15. Hình thức chào hàng cạnh tranh trong mua sắm hàng hoá, dịch vụ:	Điều 15. Hình thức chào hàng cạnh tranh trong mua sắm hàng hoá, dịch vụ:
Điều 16. Hình thức tự thực hiện:	Điều 16. Hình thức tự thực hiện:
Điều 17. Hình thức lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt:	Điều 17. Hình thức lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt:
Điều 18. Điều kiện tham gia dự thầu:	Điều 18. Điều kiện tham gia dự thầu:
Điều 19. Tư cách hợp lệ của nhà thầu là tổ chức:	Điều 19. Tư cách hợp lệ của nhà thầu là tổ chức:
Điều 20. Tư cách hợp lệ của nhà thầu là cá nhân:	Điều 20. Tư cách hợp lệ của nhà thầu là cá nhân:
Điều 21. Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu:	Điều 21. Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu:
Điều 22. Làm rõ hồ sơ mời thầu:	Điều 22. Làm rõ hồ sơ mời thầu:
Điều 23. Làm rõ hồ sơ dự thầu:	Điều 23. Làm rõ hồ sơ dự thầu:
<p style="text-align: center;">Chương IV KẾ HOẠCH ĐẤU THẦU</p> <p>Điều 24. Căn cứ lập kế hoạch đấu thầu:</p> <ol style="list-style-type: none"> Danh mục, nội dung dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Quyết định đầu tư, quyết định phê duyệt dự án, đề án và các tài liệu có liên quan; Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Giấy chứng nhận đầu tư (nếu cần). Đối với gói thầu cần thực hiện trước khi có quyết định đầu tư thì căn cứ theo quyết định của người đứng đầu đơn vị được giao nhiệm vụ chuẩn bị dự án. Điều ước quốc tế hoặc văn bản thỏa thuận quốc tế đối với các dự án sử dụng vốn ODA. Thiết kế, dự toán, tổng dự toán được duyệt (nếu có). Nguồn vốn bố trí cho dự án, nội dung mua sắm. Các văn bản pháp lý khác có liên quan (nếu có). 	<p style="text-align: center;">Chương IV KẾ HOẠCH ĐẤU THẦU</p> <p>Điều 24. Căn cứ lập kế hoạch đấu thầu:</p> <ol style="list-style-type: none"> Đối với các dự án đầu tư xây dựng, các dự án đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin: <ol style="list-style-type: none"> Quyết định đầu tư, quyết định phê duyệt dự án, đề án và các tài liệu có liên quan; Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Giấy chứng nhận đầu tư (nếu cần). Đối với gói thầu cần thực hiện trước khi có quyết định đầu tư thì căn cứ theo quyết định của người đứng đầu đơn vị được giao nhiệm vụ chuẩn bị dự án. Điều ước quốc tế hoặc văn bản thỏa thuận quốc tế đối với các dự án sử dụng vốn ODA. Thiết kế, dự toán, tổng dự toán được duyệt (nếu có). Nguồn vốn bố trí cho dự án. Các văn bản pháp lý khác có liên quan (nếu có). Đối với mua sắm hàng hoá, dịch vụ công nghệ thông tin không phải lập dự án và đấu thầu mua sắm hàng hoá, dịch vụ khác <ol style="list-style-type: none"> Danh mục, nội dung dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Đề cương và dự toán chi tiết được duyệt (Đối với hàng hoá, dịch vụ công nghệ thông

Quyết định số 2368/QĐ-BTC	Quyết định số 787/QĐ-BTC
	tin). c. Nguồn vốn bố trí cho nội dung mua sắm. d. Các văn bản pháp lý khác có liên quan (nếu có).
<p>Điều 25. Nội dung của từng gói thầu trong kế hoạch đấu thầu: Điều 26. Trình duyệt kế hoạch đấu thầu:</p> <p>1. Trách nhiệm trình duyệt: Chủ đầu tư hoặc thủ trưởng đơn vị trực tiếp mua sắm có trách nhiệm trình kế hoạch đấu thầu lên người có thẩm quyền hoặc người được ủy quyền quyết định xem xét, phê duyệt, đồng thời gửi cho cơ quan, tổ chức thẩm định; trường hợp trình kế hoạch đấu thầu lên Thủ tướng Chính phủ, chủ đầu tư còn phải gửi cho các Bộ quản lý có liên quan để có ý kiến bằng văn bản trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt.</p> <p>Đối với các gói thầu dịch vụ tư vấn được thực hiện trước khi có quyết định đầu tư, trường hợp xác định được chủ đầu tư thì đơn vị thuộc chủ đầu tư có trách nhiệm trình kế hoạch đấu thầu lên người đứng đầu cơ quan chủ đầu tư để xem xét, phê duyệt. Trường hợp chưa xác định được chủ đầu tư thì đơn vị được giao nhiệm vụ chuẩn bị dự án có trách nhiệm trình kế hoạch đấu thầu lên người đứng đầu đơn vị mình để xem xét, phê duyệt. Người đứng đầu cơ quan chủ đầu tư, người đứng đầu đơn vị được giao nhiệm vụ chuẩn bị dự án chỉ định một đơn vị trực thuộc tổ chức thẩm định kế hoạch đấu thầu trước khi phê duyệt.</p> <p>2. Hồ sơ trình duyệt:</p> <p>a) Văn bản trình duyệt kế hoạch đấu thầu bao gồm những nội dung sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phần công việc đã thực hiện bao gồm nội dung công việc liên quan tới chuẩn bị dự án, các gói thầu thực hiện trước với giá trị tương ứng và căn cứ pháp lý để thực hiện; - Phần công việc không áp dụng được một trong các hình thức lựa chọn nhà thầu theo các quy định tại Quy chế này; - Phần công việc thuộc kế hoạch đấu thầu bao gồm nội dung công việc và giá trị phần công việc tương ứng hình thành các gói thầu được thực hiện theo một trong các hình thức lựa chọn nhà thầu theo quy định tại Quy chế này, kể cả các công việc như rà phá bom, mìn, vật nổ, xây dựng khu tái định cư, chuẩn bị mặt bằng xây dựng, bảo hiểm công trình, đào tạo; cơ sở của việc chia dự án thành các gói thầu. Đối với từng gói thầu, phải bảo đảm có đủ các nội dung quy định tại Điều 25 Quy chế này. <p>Đối với gói thầu không áp dụng hình thức đấu thầu rộng rãi, trong văn bản trình kế hoạch đấu thầu, chủ đầu tư phải nêu rõ lý do áp dụng hình thức lựa chọn khác trên cơ sở tuân thủ các quy định của Quy chế này. Đối với gói thầu có giá trị trong hạn mức chỉ định thầu hoặc do yêu cầu đặc biệt khác áp dụng hình thức chỉ định thầu theo quy định còn phải bảo đảm việc chỉ định thầu hiệu quả hơn so với đấu thầu rộng rãi bằng cách lượng hóa tính hiệu quả các yếu tố về kinh tế - xã hội và các yếu tố khác.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phần công việc chưa đủ điều kiện lập kế hoạch đấu thầu (nếu có): <p>Phải nêu nội dung và giá trị phần công việc còn lại của dự án. Tổng giá trị các phần công việc đã thực hiện, phần công việc không áp dụng các hình thức lựa chọn nhà thầu, phần công việc thuộc kế hoạch đấu thầu và phần công việc chưa đủ điều kiện lập kế hoạch đấu thầu (nếu có) không được vượt tổng mức đầu tư của dự án.</p>	<p>Điều 25. Nội dung của từng gói thầu trong kế hoạch đấu thầu: Điều 26. Trình duyệt kế hoạch đấu thầu, hồ sơ mời thầu:</p> <p>1. Đối với các dự án đầu tư xây dựng, các dự án đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin:</p> <p>1.1. Trách nhiệm trình duyệt: Chủ đầu tư có trách nhiệm trình kế hoạch đấu thầu lên người có thẩm quyền hoặc người được ủy quyền quyết định xem xét, phê duyệt theo quy định tại Điều 5 tại Quy chế này, đồng thời gửi cho cơ quan, tổ chức thẩm định; trường hợp trình kế hoạch đấu thầu lên Thủ tướng Chính phủ, chủ đầu tư còn phải gửi cho các Bộ quản lý có liên quan để có ý kiến bằng văn bản trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt.</p> <p>1.2. Hồ sơ trình duyệt:</p> <p>a) Văn bản trình duyệt kế hoạch đấu thầu bao gồm những nội dung sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phần công việc đã thực hiện bao gồm nội dung công việc liên quan tới chuẩn bị dự án, các gói thầu thực hiện trước với giá trị tương ứng và căn cứ pháp lý để thực hiện; - Phần công việc không áp dụng được một trong các hình thức lựa chọn nhà thầu theo các quy định tại Quy chế này; - Phần công việc thuộc kế hoạch đấu thầu bao gồm nội dung công việc và giá trị phần công việc tương ứng hình thành các gói thầu được thực hiện theo một trong các hình thức lựa chọn nhà thầu theo quy định tại Quy chế này, kể cả các công việc như rà phá bom, mìn, vật nổ, xây dựng khu tái định cư, chuẩn bị mặt bằng xây dựng, bảo hiểm công trình, đào tạo; cơ sở của việc chia dự án thành các gói thầu. Đối với từng gói thầu, phải bảo đảm có đủ các nội dung quy định tại Điều 25 Quy chế này. <p>Đối với gói thầu không áp dụng hình thức đấu thầu rộng rãi, trong văn bản trình kế hoạch đấu thầu, chủ đầu tư phải nêu rõ lý do áp dụng hình thức lựa chọn khác trên cơ sở tuân thủ các quy định của Quy chế này. Đối với gói thầu có giá trị trong hạn mức chỉ định thầu hoặc do yêu cầu đặc biệt khác áp dụng hình thức chỉ định thầu theo quy định còn phải bảo đảm việc chỉ định thầu hiệu quả hơn so với đấu thầu rộng rãi bằng cách lượng hóa tính hiệu quả các yếu tố về kinh tế - xã hội và các yếu tố khác.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phần công việc chưa đủ điều kiện lập kế hoạch đấu thầu (nếu có): <p>Phải nêu nội dung và giá trị phần công việc còn lại của dự án. Tổng giá trị các phần công việc đã thực hiện, phần công việc không áp dụng các hình thức lựa chọn nhà thầu, phần công việc thuộc kế hoạch đấu thầu và phần công việc chưa đủ điều kiện lập kế hoạch đấu thầu (nếu có) không được vượt tổng mức đầu tư của dự án.</p> <p>Trường hợp cần thiết phải lập kế hoạch đấu thầu cho một hoặc một số gói thầu để thực hiện trước theo quy định thì trong văn bản trình duyệt vẫn phải bao gồm các nội dung như quy định tại khoản này.</p> <p>b) Tài liệu kèm theo văn bản trình duyệt:</p> <p>Khi trình duyệt kế hoạch đấu thầu, chủ đầu tư phải gửi kèm theo các bản chụp các tài liệu làm căn cứ lập kế hoạch đấu thầu theo quy định tại Điều 5 và Điều 24 của Quy chế này.</p>

Quyết định số 2368/QĐ-BTC	Quyết định số 787/QĐ-BTC
<p>Trường hợp cần thiết phải lập kế hoạch đấu thầu cho một hoặc một số gói thầu để thực hiện trước theo quy định thì trong văn bản trình duyệt vẫn phải bao gồm các nội dung như quy định tại khoản này.</p> <p>b) Tài liệu kèm theo văn bản trình duyệt: Khi trình duyệt kế hoạch đấu thầu, chủ đầu tư hoặc thủ trưởng đơn vị mua sắm phải gửi kèm theo bản chụp các tài liệu làm căn cứ lập kế hoạch đấu thầu theo quy định tại Điều 24 của Quy chế này.</p>	<p>2. Đối với mua sắm hàng hoá, dịch vụ công nghệ thông tin không phải lập dự án và đấu thầu mua sắm hàng hoá, dịch vụ khác</p> <p>2.1. Trách nhiệm trình duyệt: Thủ trưởng đơn vị mua sắm có trách nhiệm trình kế hoạch đấu thầu lên người có thẩm quyền hoặc người được uỷ quyền quyết định xem xét, phê duyệt theo quy định về phân cấp.</p> <p>2.2. Hồ sơ trình duyệt:</p> <p>a) Văn bản trình duyệt kế hoạch đấu thầu, hồ sơ mời thầu bao gồm những nội dung sau đây: - Phân công việc thuộc kế hoạch đấu thầu bao gồm nội dung công việc và giá trị phân công việc tương ứng hình thành các gói thầu được thực hiện theo một trong các hình thức lựa chọn nhà thầu theo quy định tại Quy chế này; cơ sở của việc chia thành các gói thầu. Đối với từng gói thầu, phải bảo đảm có đủ các nội dung quy định tại Điều 25 Quy chế này. Đối với gói thầu không áp dụng hình thức đấu thầu rộng rãi, trong văn bản trình kế hoạch đấu thầu, Thủ trưởng đơn vị mua sắm phải nêu rõ lý do áp dụng hình thức lựa chọn khác trên cơ sở tuân thủ các quy định của Quy chế này. Đối với gói thầu có giá trị trong hạn mức chỉ định thầu hoặc do yêu cầu đặc biệt khác áp dụng hình thức chỉ định thầu theo quy định còn phải bảo đảm việc chỉ định thầu hiệu quả hơn so với đấu thầu rộng rãi bằng cách lượng hóa tính hiệu quả các yếu tố về kinh tế - xã hội và các yếu tố khác. - Phân công việc chưa đủ điều kiện lập kế hoạch đấu thầu (nếu có): Phải nêu nội dung và giá trị phân công việc còn lại của danh mục dự toán. Tổng giá trị các phân công việc đã thực hiện, phân công việc không áp dụng các hình thức lựa chọn nhà thầu, phân công việc thuộc kế hoạch đấu thầu và phân công việc chưa đủ điều kiện lập kế hoạch đấu thầu (nếu có) không được vượt tổng mức danh mục dự toán được duyệt. Trường hợp cần thiết phải lập kế hoạch đấu thầu cho một hoặc một số gói thầu để thực hiện trước theo quy định thì trong văn bản trình duyệt vẫn phải bao gồm các nội dung như quy định tại khoản này. - Dự thảo Hồ sơ mời thầu đảm bảo theo mẫu hồ sơ kèm theo Quy chế này (nếu trình đồng thời).</p> <p>b) Tài liệu kèm theo văn bản trình duyệt: Khi trình duyệt kế hoạch đấu thầu, thủ trưởng đơn vị mua sắm phải gửi kèm theo bản chụp các tài liệu làm căn cứ lập kế hoạch đấu thầu theo quy định tại Điều 24 của Quy chế này.</p>
<p>Điều 27. Thẩm định và phê duyệt kế hoạch đấu thầu:</p> <p>1. Thẩm định kế hoạch đấu thầu:</p> <p>a) Thẩm định kế hoạch đấu thầu là việc tiến hành kiểm tra, đánh giá các nội dung theo quy định tại Quy chế này.</p> <p>b) Cơ quan, tổ chức thẩm định kế hoạch đấu thầu phải lập báo cáo kết quả thẩm định trên cơ sở tuân thủ các quy định về quyền và nghĩa vụ của cơ quan, tổ chức thẩm định trình người quyết định đầu tư hoặc người có thẩm quyền phê duyệt theo quy định tại Chương X của Quy chế này.</p> <p>2. Phê duyệt kế hoạch đấu thầu: Người có thẩm ... <u>theo quy định tại Chương X của Quy chế này</u> ...</p>	<p>Điều 27. Thẩm định và phê duyệt kế hoạch đấu thầu, hồ sơ mời thầu:</p> <p>1. Thẩm định kế hoạch đấu thầu:</p> <p>a) Thẩm định kế hoạch đấu thầu là việc tiến hành kiểm tra, đánh giá các nội dung theo quy định tại Quy chế này.</p> <p>b) Cơ quan, tổ chức thẩm định kế hoạch đấu thầu phải lập báo cáo kết quả thẩm định trên cơ sở tuân thủ các quy định về quyền và nghĩa vụ của cơ quan, tổ chức thẩm định trình cấp quyết định đầu tư hoặc người có thẩm quyền theo phân cấp và quy định tại Điều 5 của Quy chế này phê duyệt.</p> <p>2. Phê duyệt kế hoạch đấu thầu: Người có thẩm quyền ... <u>theo quy định về phân cấp và quy định tại Điều 5 của Quy chế này</u> ...</p>

Quyết định số 2368/QĐ-BTC	Quyết định số 787/QĐ-BTC
Chương V SƠ TUYỂN NHÀ THẦU	Chương V SƠ TUYỂN NHÀ THẦU
Điều 28. Áp dụng sơ tuyển: 2. Việc sơ tuyển nhà thầu phải được người có thẩm quyền theo quy định tại <u>Chương X của Quy chế này phê duyệt trong kế hoạch đấu thầu.</u>	Điều 28. Áp dụng sơ tuyển: 2. Việc sơ tuyển nhà thầu phải được người có thẩm quyền theo quy định phân cấp phê duyệt trong kế hoạch đấu thầu.
Điều 29. Trình tự thực hiện sơ tuyển:	Điều 29. Trình tự thực hiện sơ tuyển:
Chương VI ĐẤU THẦU RỘNG RÃI VÀ ĐẤU THẦU HẠN CHẾ ĐỐI VỚI GÓI THẦU DỊCH VỤ TƯ VẤN	Chương VI ĐẤU THẦU RỘNG RÃI VÀ ĐẤU THẦU HẠN CHẾ ĐỐI VỚI GÓI THẦU DỊCH VỤ TƯ VẤN
Mục 1	Mục 1
ĐẤU THẦU ĐỐI VỚI NHÀ THẦU LÀ TỔ CHỨC	ĐẤU THẦU ĐỐI VỚI NHÀ THẦU LÀ TỔ CHỨC
Điều 30. Chuẩn bị đấu thầu:	Điều 30. Chuẩn bị đấu thầu:
a) Đối với đấu thầu rộng rãi:	a) Đối với đấu thầu rộng rãi:
.....
Trường hợp bên mời thầu không phát hành hồ sơ mời quan tâm theo quy định hoặc thực hiện bất kỳ hành vi nào làm hạn chế nhà thầu nhận hồ sơ mời quan tâm sẽ bị xử lý theo quy định về cấm tham gia hoạt động đấu thầu (tại điểm m khoản 5 Điều 98) Quy chế này;	Trường hợp bên mời thầu không phát hành hồ sơ mời quan tâm theo quy định hoặc thực hiện bất kỳ hành vi nào làm hạn chế nhà thầu nhận hồ sơ mời quan tâm sẽ bị xử lý theo quy định về cấm tham gia hoạt động đấu thầu (tại điểm m khoản 1 Điều 95) Quy chế này;
b) Đối với đấu thầu hạn chế:	b) Đối với đấu thầu hạn chế:
Chủ đầu tư trình cấp có thẩm quyền theo quy định phân cấp tại <u>Chương X của Quy chế này</u> phê duyệt danh sách nhà thầu được coi là có đủ năng lực và kinh nghiệm để mời tham gia đấu thầu.	Bên mời thầu trình Chủ đầu tư hoặc cấp có thẩm quyền theo quy định về phân cấp và quy định tại <u>Điều 5 của Quy chế này</u> phê duyệt danh sách nhà thầu được coi là có đủ năng lực và kinh nghiệm để mời tham gia đấu thầu.
3. Phê duyệt hồ sơ mời thầu: được quy định theo phân cấp tại Chương X tại Quy chế này.	3. Phê duyệt hồ sơ mời thầu: Thực hiện theo quy định về phân cấp và theo quy định tại Điều 5 của Quy chế này.
Điều 31. Tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu:	Điều 31. Tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu:
2. Đối với gói thầu dịch vụ tư vấn, kể cả dịch vụ tư vấn xây dựng theo quy định của Luật Xây dựng, có yêu cầu kỹ thuật cao:	2. Đối với gói thầu dịch vụ tư vấn, kể cả dịch vụ tư vấn xây dựng theo quy định của Luật Xây dựng, có yêu cầu kỹ thuật cao:
.....
Nội dung, tiêu chí, khung điểm đánh giá kỹ thuật được quy định trong Hồ sơ mời thầu. Cấp có thẩm quyền (cấp phê duyệt Hồ sơ mời thầu) phê duyệt Bảng điểm đánh giá chi tiết về mặt kỹ thuật (chi tiết điểm tối đa, tối thiểu trong khung điểm đánh giá kỹ thuật quy định trong Hồ sơ mời thầu) trước thời điểm đóng thầu, bảo quản theo quy định của tài liệu "Mật" chỉ được mở sau thời điểm đóng thầu và được công khai tại thời điểm mở thầu; Tổ chuyên gia đấu thầu căn cứ vào Bảng điểm đánh giá chi tiết về mặt kỹ thuật để đánh giá Hồ sơ dự thầu.	Nội dung, tiêu chí, khung điểm đánh giá kỹ thuật được quy định trong Hồ sơ mời thầu. Cấp có thẩm quyền (cấp phê duyệt Hồ sơ mời thầu) phê duyệt Bảng điểm đánh giá chi tiết về mặt kỹ thuật (chi tiết điểm tối đa, tối thiểu trong khung điểm đánh giá kỹ thuật quy định trong Hồ sơ mời thầu) trước thời điểm đóng thầu, bảo quản theo quy định của tài liệu "Mật" chỉ được mở sau thời điểm đóng thầu và được công khai tại thời điểm mở thầu; Tổ chuyên gia đấu thầu căn cứ vào Bảng điểm đánh giá chi tiết về mặt kỹ thuật để đánh giá Hồ sơ dự thầu.
Điều 32. Tổ chức đấu thầu:	Điều 32. Tổ chức đấu thầu:
1. Phát hành hồ sơ mời thầu:	1. Phát hành hồ sơ mời thầu:
a) ...theo quy định tại khoản 1 <u>Điều 111</u> Quy chế này. Đối với nhà thầu liên danh thì chỉ cần một thành viên trong liên danh mua hồ sơ mời thầu.	a) ...theo quy định tại khoản 1 <u>Điều 108</u> Quy chế này. Đối với nhà thầu liên danh thì chỉ cần một thành viên trong liên danh mua hồ sơ mời thầu.
Trường hợp ... theo quy định tại điểm m <u>khoản 1 Điều 98</u> Quy chế này.	Trường hợptheo quy định tại điểm m <u>khoản 1 Điều 95</u> Quy chế này.

Quyết định số 2368/QĐ-BTC	Quyết định số 787/QĐ-BTC
<p>Điều 33. Đánh giá hồ sơ dự thầu: b) Đánh giá hồ sơ dự thầu đối với gói thầu dịch vụ tư vấn, kể cả dịch vụ tư vấn xây dựng theo quy định của Luật Xây dựng, có yêu cầu kỹ thuật cao: Đánh giá hồ sơ đề xuất kỹ thuật ... theo quy định phân cấp tại Chương X của Quy chế này phê duyệt.</p>	<p>Điều 33. Đánh giá hồ sơ dự thầu: b) Đánh giá hồ sơ dự thầu đối với gói thầu dịch vụ tư vấn, kể cả dịch vụ tư vấn xây dựng theo quy định của Luật Xây dựng, có yêu cầu kỹ thuật cao: Đánh giá hồ sơ đề xuất kỹ thuật phê duyệt theo quy định về phân cấp.</p>
<p>Điều 34. Đàm phán, thương thảo hợp đồng: h) Các nội dung khác (nếu cần thiết). Trường hợp đàm phán hợp đồng không thành, bên mời thầu báo cáo chủ đầu tư hoặc cấp có thẩm quyền theo quy định phân cấp tại Chương X của Quy chế này để xem xét, quyết định mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào đàm phán. 2. Việc thương thảo, hoàn thiện hợp đồng để ký kết hợp đồng với nhà thầu trúng thầu phải dựa trên cơ sở sau đây: a) Kết quả đấu thầu được duyệt của cấp có thẩm quyền theo quy định phân cấp tại Chương X của Quy chế này; 4. Trường hợp thương thảo, hoàn thiện hợp đồng không thành thì chủ đầu tư xem xét hủy quyết định phê duyệt kết quả đấu thầu trước đó ...</p>	<p>Điều 34. Đàm phán, thương thảo hợp đồng: h) Các nội dung khác (nếu cần thiết). Trường hợp đàm phán hợp đồng không thành, bên mời thầu báo cáo chủ đầu tư hoặc cấp có thẩm quyền theo quy định về phân cấp và Quy định tại Điều 5 của Quy chế này để xem xét, quyết định mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào đàm phán. 2. Việc thương thảo, hoàn thiện hợp đồng để ký kết hợp đồng với nhà thầu trúng thầu phải dựa trên cơ sở sau đây: a) Kết quả đấu thầu được duyệt của cấp có thẩm quyền theo quy định về phân cấp và Quy định tại Điều 5 của Quy chế này. 4. Trường hợp thương thảo, hoàn thiện hợp đồng không thành thì chủ đầu tư trình cấp có thẩm quyền theo quy định về phân cấp và quy định tại Điều 5 của Quy chế này xem xét hủy quyết định phê duyệt kết quả đấu thầu trước đó</p>
<p>Điều 35. Trình duyệt, thẩm định, phê duyệt và thông báo kết quả đấu thầu 1. Trình duyệt, thẩm định và phê duyệt kết quả đấu thầu gói thầu dịch vụ tư vấn thực hiện theo quy định phân cấp tại Chương X của Quy chế này.</p>	<p>Điều 35. Trình duyệt, thẩm định, phê duyệt và thông báo kết quả đấu thầu 1. Trình duyệt, thẩm định và phê duyệt kết quả đấu thầu gói thầu dịch vụ tư vấn thực hiện theo quy định phân cấp và theo quy định tại Điều 5 của Quy chế này.</p>
<p>Mục 2 LỰA CHỌN NHÀ THẦU TƯ VẤN CÁ NHÂN</p>	<p>Mục 2 LỰA CHỌN NHÀ THẦU TƯ VẤN CÁ NHÂN</p>
<p>Điều 36. Lựa chọn nhà thầu tư vấn là cá nhân</p>	<p>Điều 36. Lựa chọn nhà thầu tư vấn là cá nhân</p>
<p>Chương VII ĐẤU THẦU RỘNG RÃI VÀ ĐẤU THẦU HẠN CHẾ ĐỐI VỚI GÓI THẦU MUA SẮM HÀNG HOÁ, XÂY LẬP</p>	<p>Chương VII ĐẤU THẦU RỘNG RÃI VÀ ĐẤU THẦU HẠN CHẾ ĐỐI VỚI GÓI THẦU MUA SẮM HÀNG HOÁ, XÂY LẬP</p>
<p>Mục I ĐẤU THẦU MỘT GIAI ĐOẠN</p>	<p>Mục I ĐẤU THẦU MỘT GIAI ĐOẠN</p>
<p>Điều 37. Chuẩn bị đấu thầu: 3. Phê duyệt hồ sơ mời thầu: Thực hiện theo quy định phân cấp tại Chương X của Quy chế này. Điều 38. Quy định chung tiêu chuẩn đánh giá về mặt kỹ thuật: 1. Sử dụng phương pháp chấm điểm: b) Đối với gói thầu mua sắm hàng hoá, xây lắp, hồ sơ dự thầu được coi là đáp ứng yêu cầu về mặt kỹ thuật khi đạt số điểm không thấp hơn mức điểm yêu cầu tối thiểu về mặt kỹ thuật.</p>	<p>Điều 37. Chuẩn bị đấu thầu: 3. Phê duyệt hồ sơ mời thầu: Thực hiện theo quy định về phân cấp và quy định tại Điều 5 của Quy chế này. Điều 38. Quy định chung tiêu chuẩn đánh giá về mặt kỹ thuật: 1. Sử dụng phương pháp chấm điểm: b) Đối với gói thầu mua sắm hàng hoá, xây lắp, hồ sơ dự thầu được coi là đáp ứng yêu cầu về mặt kỹ thuật khi đạt số điểm không thấp hơn mức điểm yêu cầu tối thiểu về mặt kỹ thuật. Nội dung, tiêu chí, khung điểm đánh giá kỹ thuật được quy định trong Hồ sơ mời thầu. Cấp có thẩm quyền (cấp phê duyệt Hồ sơ mời thầu) phê duyệt Bảng điểm đánh giá chi tiết về mặt kỹ thuật (chi tiết điểm tối đa, tối thiểu trong khung điểm đánh giá kỹ thuật quy định trong Hồ sơ mời thầu) trước thời điểm đóng thầu, bảo quản theo quy định của tài liệu "Mật" chỉ được mở sau thời điểm đóng thầu và được công khai tại thời điểm mở thầu; Tổ chuyên gia đấu thầu</p>

Quyết định số 2368/QĐ-BTC	Quyết định số 787/QĐ-BTC
Điều 39. Tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu đối với gói thầu mua sắm hàng hoá:	căn cứ vào Bảng điểm đánh giá chi tiết về mặt kỹ thuật để đánh giá Hồ sơ dự thầu.
Điều 40. Tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu đối với gói thầu xây lắp:	Điều 39. Tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu đối với gói thầu mua sắm hàng hoá:
Điều 41. Tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu đối với gói thầu lựa chọn tổng thầu xây dựng (trừ gói thầu lựa chọn tổng thầu thiết kế):	Điều 40. Tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu đối với gói thầu xây lắp
Điều 42. Bảo đảm dự thầu:	Điều 41. Tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu đối với gói thầu lựa chọn tổng thầu xây dựng (trừ gói thầu lựa chọn tổng thầu thiết kế):
Điều 43. Tổ chức đấu thầu:	Điều 42. Bảo đảm dự thầu:
<p>Điều 44. Đánh giá hồ sơ dự thầu:</p> <p>1. Đánh giá sơ bộ:</p> <p>a) Kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ dự thầu:</p> <p>- Có một trong các loại giấy tờ theo yêu cầu của hồ sơ mời thầu: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Giấy chứng nhận đầu tư, Quyết định thành lập hoặc Giấy đăng ký hoạt động hợp pháp; Giấy phép bán hàng thuộc bản quyền của nhà sản xuất hoặc giấy ủy quyền bán hàng của đại lý phân phối (nếu có yêu cầu);</p>	<p>Điều 43. Tổ chức đấu thầu:</p> <p>Điều 44. Đánh giá hồ sơ dự thầu:</p> <p>1. Đánh giá sơ bộ:</p> <p>a) Kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ dự thầu:</p> <p>- Có một trong các loại giấy tờ theo yêu cầu của hồ sơ mời thầu:</p> <p>+ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; Giấy chứng nhận đầu tư, Quyết định thành lập hoặc Giấy đăng ký hoạt động hợp pháp; + Giấy phép bán hàng thuộc bản quyền của nhà sản xuất hoặc giấy ủy quyền bán hàng của đại lý phân phối (nếu có yêu cầu);</p>
Điều 45. Sửa lỗi và hiệu chỉnh các sai lệch:	Điều 45. Sửa lỗi và hiệu chỉnh các sai lệch:
<p>Điều 46. Trình duyệt, thẩm định, phê duyệt, thông báo kết quả đấu thầu, thương thảo, hoàn thiện hợp đồng và ký kết hợp đồng:</p> <p>Trình duyệt, thẩm định, phê duyệt, thông báo kết quả đấu thầu, thương thảo, hoàn thiện hợp đồng và ký kết hợp đồng được thực hiện theo quy định tại Quy chế này và quy định phân cấp tại Chương X của Quy chế này.</p>	<p>Điều 46. Trình duyệt, thẩm định, phê duyệt, thông báo kết quả đấu thầu, thương thảo, hoàn thiện hợp đồng và ký kết hợp đồng:</p> <p>Trình duyệt, thẩm định, phê duyệt, thông báo kết quả đấu thầu, thương thảo, hoàn thiện hợp đồng và ký kết hợp đồng được thực hiện theo quy định tại Quy chế này và theo quy định về phân cấp.</p>
Mục II ĐẤU THẦU HAI GIAI ĐOẠN	Mục II ĐẤU THẦU HAI GIAI ĐOẠN
<p>Điều 47. Chuẩn bị đấu thầu giai đoạn 1:</p> <p>3. Việc phê duyệt hồ sơ mời thầu thực hiện theo quy định phân cấp tại Chương X của Quy chế này.</p>	<p>Điều 47. Chuẩn bị đấu thầu giai đoạn 1:</p> <p>3. Việc phê duyệt hồ sơ mời thầu thực hiện theo quy định phân cấp và quy định tại Điều 5 của Quy chế này.</p>
Điều 48. Tổ chức đấu thầu giai đoạn 1:	Điều 48. Tổ chức đấu thầu giai đoạn 1:
<p>Điều 49. Chuẩn bị, tổ chức đấu thầu giai đoạn 2:</p> <p>Việc phê duyệt hồ sơ mời thầu giai đoạn 2 được thực hiện theo quy định phân cấp tại Chương X của Quy chế này.</p>	<p>Điều 49. Chuẩn bị, tổ chức đấu thầu giai đoạn 2:</p> <p>Việc phê duyệt hồ sơ mời thầu giai đoạn 2 được thực hiện theo quy định về phân cấp và quy định tại Điều 5 của Quy chế này.</p>
Điều 50. Đánh giá hồ sơ dự thầu giai đoạn 2:	Điều 50. Đánh giá hồ sơ dự thầu giai đoạn 2:
<p>Điều 51. Trình duyệt, thẩm định, phê duyệt, thông báo kết quả đấu thầu: Trình duyệt, thẩm định, phê duyệt, thông báo kết quả đấu thầu được thực hiện theo quy định phân cấp tại Chương X của Quy chế này.</p>	<p>Điều 51. Trình duyệt, thẩm định, phê duyệt, thông báo kết quả đấu thầu: Trình duyệt, thẩm định, phê duyệt, thông báo kết quả đấu thầu, thương thảo, hoàn thiện hợp đồng và ký kết hợp đồng được thực hiện theo quy định về phân cấp và quy định tại Điều 5 của Quy chế này.</p>
Chương VIII QUY ĐỊNH CỤ THỂ CÁC HÌNH THỨC LỰA CHỌN NHÀ THẦU KHÁC	Chương VIII QUY ĐỊNH CỤ THỂ CÁC HÌNH THỨC LỰA CHỌN NHÀ THẦU KHÁC

Quyết định số 2368/QĐ-BTC	Quyết định số 787/QĐ-BTC
<p>Điều 52. Quy trình chỉ định thầu: 1. Quy trình chỉ định thầu thông thường đối với một gói thầu (trừ gói thầu quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này), bao gồm: a) Lập và phê duyệt hồ sơ yêu cầu: Chủ đầu tư phê duyệt hồ sơ yêu cầu và xác định một nhà thầu có đủ năng lực và kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu của gói thầu được nhận hồ sơ yêu cầu. d) Trình, thẩm định và phê duyệt kết quả chỉ định thầu Trên cơ sở báo cáo kết quả chỉ định thầu và báo cáo thẩm định, người quyết định phê duyệt hoặc được ủy quyền theo quy định phân cấp tại Chương X của Quy chế này phê duyệt kết quả chỉ định thầu.</p>	<p>Điều 52. Quy trình chỉ định thầu: 1. Quy trình chỉ định thầu thông thường đối với một gói thầu (trừ gói thầu quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này), bao gồm: a) Lập và phê duyệt hồ sơ yêu cầu: Chủ đầu tư phê duyệt hồ sơ yêu cầu theo quy định về phân cấp và quy định tại Điều 5 của Quy chế này và xác định một nhà thầu có đủ năng lực và kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu của gói thầu được nhận hồ sơ yêu cầu. d. Trình duyệt, thẩm định, phê duyệt, thông báo kết quả đấu thầu, thương thảo, hoàn thiện hợp đồng và ký kết hợp đồng được thực hiện theo quy định về phân cấp và quy định tại Điều 5 của Quy chế này.</p>
<p>Điều 53. Quy trình mua sắm trực tiếp: 3. Trình duyệt, thẩm định và phê duyệt kết quả mua sắm trực tiếp: Theo quy định phân cấp tại Chương X của Quy chế này.</p>	<p>Điều 53. Quy trình mua sắm trực tiếp: 3. Trình duyệt, thẩm định và phê duyệt kết quả mua sắm trực tiếp: Thực hiện theo quy định về phân cấp và quy định tại Điều 5 của Quy chế này.</p>
<p>Điều 54. Quy trình chào hàng cạnh tranh trong mua sắm hàng hoá: 4. Phê duyệt kết quả chào hàng: Theo quy định phân cấp tại Chương X của Quy chế này.</p>	<p>Điều 54. Quy trình chào hàng cạnh tranh trong mua sắm hàng hoá: 4. Phê duyệt kết quả chào hàng: Thực hiện theo quy định về phân cấp và quy định tại Điều 5 của Quy chế này.</p>
<p>Điều 55. Quy định về lựa chọn nhà thầu đối với gói thầu quy mô nhỏ: 1. Đối với gói thầu mua sắm hàng hóa có giá không quá 0,5 tỷ đồng, xây lắp hoặc gói thầu lựa chọn tổng thầu xây dựng (trừ tổng thầu thiết kế) có giá không quá 8 tỷ đồng, việc đấu thầu rộng rãi hoặc hạn chế được thực hiện theo trình tự quy định tại Mục 1 Chương VII Quy chế này, nhưng trong hồ sơ mời thầu không cần nêu tiêu chuẩn đưa về cùng một mặt bằng để xác định giá đánh giá, không cần xác định giá đánh giá trong quá trình đánh giá hồ sơ dự thầu và không cần phê duyệt danh sách nhà thầu đạt yêu cầu về mặt kỹ thuật trước khi tiến hành sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch. Nhà thầu sẽ được xem xét để nghị trúng thầu khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:</p>	<p>Điều 55. Quy định về lựa chọn nhà thầu đối với gói thầu quy mô nhỏ: 1. Đối với gói thầu mua sắm hàng hoá thuộc dự án đầu tư xây dựng có giá không quá 5 tỷ đồng, xây lắp hoặc gói thầu lựa chọn tổng thầu xây dựng (trừ tổng thầu thiết kế) có giá không quá 8 tỷ đồng, gói thầu mua sắm hàng hóa đối với các trường hợp còn lại có giá không quá 0,5 tỷ đồng, việc đấu thầu rộng rãi hoặc hạn chế được thực hiện theo trình tự quy định tại Mục 1 Chương VII Quy chế này, nhưng trong hồ sơ mời thầu không cần nêu tiêu chuẩn đưa về cùng một mặt bằng để xác định giá đánh giá, không cần xác định giá đánh giá trong quá trình đánh giá hồ sơ dự thầu và không cần phê duyệt danh sách nhà thầu đạt yêu cầu về mặt kỹ thuật trước khi tiến hành sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch. Nhà thầu sẽ được xem xét để nghị trúng thầu khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:</p>
<p>Điều 56. Quy định về quy trình lựa chọn nhà thầu đối với gói thầu bảo hiểm, kiểm toán và lựa chọn đối tác đầu tư:</p>	<p>Điều 56. Quy định về quy trình lựa chọn nhà thầu đối với gói thầu bảo hiểm, kiểm toán và lựa chọn đối tác đầu tư</p>
<p>Điều 57. Quy trình tự thực hiện:</p>	<p>Điều 57. Quy trình tự thực hiện</p>
<p>Điều 58. Quy định về lựa chọn nhà thầu tư vấn thiết kế kiến trúc công trình xây dựng:</p>	<p>Điều 58. Quy định về lựa chọn nhà thầu tư vấn thiết kế kiến trúc công trình xây dựng:</p>
<p>Điều 59. Quy định về lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt</p>	<p>Điều 59. Quy định về lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt</p>
<p>Chương IX HỦY ĐẤU THẦU, LOẠI BỎ HỒ SƠ DỰ THẦU VÀ THƯƠNG THẢO, HOÀN THIỆN, KÝ KẾT HỢP ĐỒNG</p>	<p>Chương IX HỦY ĐẤU THẦU, LOẠI BỎ HỒ SƠ DỰ THẦU VÀ THƯƠNG THẢO, HOÀN THIỆN, KÝ KẾT HỢP ĐỒNG</p>
<p>Điều 60. Hủy, đình chỉ, không công nhận kết quả lựa chọn nhà thầu: 2. Hủy đấu thầu được áp dụng đối với một trong các trường hợp sau đây: a) Thay đổi mục tiêu, phạm vi ... theo phân cấp tại Chương X Quy chế này ... 4. Căn cứ vào quyết định hủy đấu thầu của người có thẩm quyền quy định tại Chương X của Quy chế này, bên mời thầu có trách nhiệm thông báo đến các nhà thầu tham gia đấu thầu về việc hủy đấu thầu.</p>	<p>Điều 60. Hủy, đình chỉ, không công nhận kết quả lựa chọn nhà thầu: 2. Hủy đấu thầu được áp dụng đối với một trong các trường hợp sau đây: a) Thay đổi mục tiêu, phạm vi ... theo quy định về phân cấp ... 4. Căn cứ vào quyết định hủy đấu thầu của cấp có thẩm quyền theo quy định về phân cấp, bên mời thầu có trách nhiệm thông báo đến các nhà thầu tham gia đấu thầu về việc hủy đấu thầu.</p>

Quyết định số 2368/QĐ-BTC	Quyết định số 787/QĐ-BTC
Điều 61. Trách nhiệm tài chính khi huy đấu thầu:	Điều 61. Trách nhiệm tài chính khi huy đấu thầu
Điều 62. Loại bỏ hồ sơ dự thầu:	Điều 62. Loại bỏ hồ sơ dự thầu:
Điều 63. Thương thảo, hoàn thiện hợp đồng	Điều 63. Thương thảo, hoàn thiện hợp đồng
<p>Điều 64. Nguyên tắc xây dựng hợp đồng:</p> <p>4. Trường hợp phát sinh khối lượng công việc hoặc số lượng hàng hóa nằm ngoài phạm vi hồ sơ mời thầu dẫn đến giá hợp đồng vượt giá trúng thầu thì phải được <u>người có thẩm quyền theo phân cấp tại Chương X của Quy chế này</u> xem xét, quyết định.</p>	<p>Điều 64. Nguyên tắc xây dựng hợp đồng:</p> <p>4. Trường hợp phát sinh khối lượng công việc hoặc số lượng hàng hóa nằm ngoài phạm vi hồ sơ mời thầu dẫn đến giá hợp đồng vượt giá trúng thầu thì phải được <u>người có thẩm quyền theo quy định về phân cấp</u> xem xét, quyết định.</p>
Điều 65. Nội dung của hợp đồng:	Điều 65. Nội dung của hợp đồng:
Điều 66. Thành phần hợp đồng:	Điều 66. Thành phần hợp đồng:
Điều 67. Hình thức hợp đồng bao gồm:	Điều 67. Hình thức hợp đồng bao gồm
Điều 68. Hình thức trọn gói:	Điều 68. Hình thức trọn gói:
Điều 69. Hình thức theo đơn giá:	Điều 69. Hình thức theo đơn giá:
Điều 70. Hình thức theo thời gian:	Điều 70. Hình thức theo thời gian:
Điều 71. Hình thức theo tỷ lệ phần trăm:	Điều 71. Hình thức theo tỷ lệ phần trăm:
Điều 72. Nhiều hợp đồng bộ phận trong một hợp đồng chung:	Điều 72. Nhiều hợp đồng bộ phận trong một hợp đồng chung:
Điều 73. Ký kết hợp đồng:	Điều 73. Ký kết hợp đồng:
Điều 74. Bảo đảm thực hiện hợp đồng:	Điều 74. Bảo đảm thực hiện hợp đồng
Điều 75. Bảo hành:	Điều 75. Bảo hành
Điều 76. Điều chỉnh giá hợp đồng và điều chỉnh hợp đồng:	Điều 76. Điều chỉnh giá hợp đồng và điều chỉnh hợp đồng:
Điều 77. Hồ sơ thanh toán:	Điều 77. Hồ sơ thanh toán:
Điều 78. Giám sát thực hiện, nghiệm thu, thanh lý hợp đồng:	Điều 78. Giám sát thực hiện, nghiệm thu, thanh lý hợp đồng:
<p>Chương X</p> <p>QUY ĐỊNH VỀ PHÂN CẤP TRÁCH NHIỆM VÀ UỶ QUYỀN TRONG ĐẦU THẦU</p>	<p>Chương X</p> <p>QUY ĐỊNH VỀ TRÁCH NHIỆM THẨM ĐỊNH TRONG ĐẦU THẦU VÀ TỔ CHUYỂN GIA ĐẦU THẦU</p>
Điều 79. Thẩm quyền quyết định và phê duyệt đầu thầu các dự án đầu tư xây dựng như sau:	Điều 79. Bộ
<p>Điều 80. Thẩm quyền quyết định và phê duyệt thành lập Tổ thẩm định đầu thầu, kế hoạch đầu thầu, hồ sơ mời thầu, tiêu chuẩn đánh giá chi tiết và kết quả đầu thầu mua sắm hàng hoá, dịch vụ công nghệ thông tin như sau:</p>	Điều 80. Bộ
<p>Điều 81. Thẩm quyền quyết định và phê duyệt thành lập Tổ thẩm định đầu thầu, kế hoạch đầu thầu, hồ sơ mời thầu, tiêu chuẩn đánh giá chi tiết và kết quả đầu thầu mua sắm hàng hoá, dịch vụ khác như sau:</p>	Điều 81. Bộ
<p>Điều 82. Thẩm định đầu thầu:</p> <p>2. Tổ thẩm định đầu thầu có nhiệm vụ thẩm định kế hoạch đầu thầu, hồ sơ mời thầu và kết quả đầu thầu trình Thủ trưởng đơn vị được phân cấp theo quy định tại Điều 79, Điều 80 và Điều 81 phê duyệt.</p> <p>5. Trường hợp đầu thầu mua sắm hàng hoá, dịch vụ, dự án đầu tư xây dựng nếu thấy cần thiết phải thuê đơn vị, tổ chức có chức năng thẩm định để giúp cho Thủ trưởng đơn vị có nhu cầu mua sắm hoặc chủ đầu tư trong quá trình lập kế hoạch đầu thầu, hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ thầu. Thủ trưởng đơn vị được phân cấp nêu trên xem xét, quyết định lựa chọn đơn vị, tổ chức thẩm định theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước và chịu trách nhiệm về kết quả thẩm định của đơn vị tư vấn thẩm định.</p>	<p>Điều 79. Thẩm định đầu thầu:</p> <p>2. Tổ thẩm định đầu thầu có nhiệm vụ thẩm định kế hoạch đầu thầu, hồ sơ mời thầu và kết quả đầu thầu trình Thủ trưởng đơn vị được phân cấp theo quy định.</p> <p>5. Trường hợp cần thiết phải thuê đơn vị, tổ chức có chức năng thẩm định để giúp cho Thủ trưởng đơn vị có nhu cầu mua sắm hoặc chủ đầu tư trong quá trình lập kế hoạch đầu thầu, hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ thầu. Thủ trưởng đơn vị có nhu cầu mua sắm hoặc chủ đầu tư xem xét, quyết định lựa chọn đơn vị, tổ chức thẩm định theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước và chịu trách nhiệm về kết quả thẩm định của đơn vị tư vấn thẩm định.</p>

LawSoft * Tel: +84-8-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

Quyết định số 2368/QĐ-BTC	Quyết định số 787/QĐ-BTC
<p>Điều 83. Tổ chuyên gia đấu thầu: 3. Trường hợp phải trình cấp có thẩm quyền tại Điều 79, Điều 80 và Điều 81 của Quy chế này phê duyệt ...</p>	<p>Điều 80. Tổ chuyên gia đấu thầu 3. Trường hợp phải trình cấp có thẩm quyền theo quy định về phân cấp phê duyệt ...</p>
<p>Chương XI QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC ĐƠN VỊ, CÁ NHÂN TRONG HOẠT ĐỘNG ĐẤU THẦU</p>	<p>Chương XI QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC ĐƠN VỊ, CÁ NHÂN TRONG HOẠT ĐỘNG ĐẤU THẦU</p>
<p>Điều 84. Trách nhiệm của người có thẩm quyền: 1. Quyết định và phê duyệt thành lập Tổ thẩm định đấu thầu, kế hoạch đấu thầu, hồ sơ mời thầu, Tổ chuyên gia đấu thầu và kết quả đấu thầu theo đúng quy định phân cấp tại Điều 79, 80 và 81 của Quy chế này. Trường hợp ủy quyền cho Thủ trưởng đơn vị trực thuộc mình quản lý phê duyệt các nội dung nêu trên phải có Quyết định ủy quyền theo quy định của Pháp luật và chỉ được ủy quyền cho từng trường hợp cụ thể, chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc ủy quyền của mình. 2. Quyết định xử lý tình huống trong đấu thầu. 3. Giải quyết kiến nghị trong đấu thầu. 4. Xử lý vi phạm pháp luật về đấu thầu theo quy định của Luật Đấu thầu và các quy định khác của pháp luật có liên quan. 5. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về các quyết định của mình.</p>	<p>Điều 84. Trách nhiệm của người có thẩm quyền: 1. Đối với đấu thầu các dự án đầu tư xây dựng, các dự án đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin: - Phê duyệt kế hoạch đấu thầu, Tổ thẩm định đấu thầu (trong trường hợp cần thiết) theo đúng quy định về phân cấp và quy định tại Điều 5 của Quy chế này. Trường hợp ủy quyền cho Thủ trưởng đơn vị trực thuộc mình quản lý phê duyệt các nội dung nêu trên phải có Quyết định ủy quyền theo quy định của Pháp luật và chỉ được ủy quyền cho từng trường hợp cụ thể, chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc ủy quyền của mình. - Xử lý vi phạm pháp luật về đấu thầu theo quy định của Luật Đấu thầu và các quy định khác của pháp luật có liên quan. - Chịu trách nhiệm trước pháp luật về các quyết định của mình. 2. Đối với mua sắm hàng hoá, dịch vụ công nghệ thông tin không phải lập dự án và đấu thầu mua sắm hàng hoá, dịch vụ khác. - Quyết định và phê duyệt thành lập Tổ thẩm định đấu thầu (trong trường hợp cần thiết), kế hoạch đấu thầu, hồ sơ mời thầu và kết quả đấu thầu theo đúng quy định về phân cấp hiện hành. Trường hợp ủy quyền cho Thủ trưởng đơn vị trực thuộc mình quản lý phê duyệt các nội dung nêu trên phải có Quyết định ủy quyền theo quy định của Pháp luật và chỉ được ủy quyền cho từng trường hợp cụ thể, chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc ủy quyền của mình. - Quyết định xử lý tình huống trong đấu thầu. - Giải quyết kiến nghị trong đấu thầu. - Xử lý vi phạm pháp luật về đấu thầu theo quy định của Luật Đấu thầu và các quy định khác của pháp luật có liên quan. - Chịu trách nhiệm trước pháp luật về các quyết định của mình.</p>
<p>Điều 85. Quyền và nghĩa vụ của chủ đầu tư và thủ trưởng đơn vị mua sắm: 1. Quyết định nội dung liên quan đến công việc sơ tuyển nhà thầu. 2. Chủ đầu tư chịu trách nhiệm xây dựng kế hoạch đấu thầu, Tổ thẩm định đấu thầu, Tổ chuyên gia đấu thầu, hồ sơ mời thầu, tiêu chuẩn đánh giá chi tiết và kiến nghị kết quả đấu thầu trình cấp có thẩm quyền quyết định, phê duyệt theo quy định tại Điều 79, 80 và 81 của Quy chế này.</p>	<p>Điều 82. Quyền và nghĩa vụ của chủ đầu tư và thủ trưởng đơn vị mua sắm: 1. Quyết định nội dung liên quan đến công việc sơ tuyển nhà thầu. 2. Chủ đầu tư chịu trách nhiệm xây dựng kế hoạch đấu thầu trình cấp có thẩm quyền quyết định, phê duyệt theo quy định về phân cấp hiện hành; phê duyệt thành lập Tổ thẩm định đấu thầu (trong trường hợp cần thiết), Tổ chuyên gia đấu thầu, hồ sơ mời thầu, tiêu chuẩn đánh giá chi tiết, xử lý tình huống trong đấu thầu, phê duyệt kết quả đấu thầu theo đúng quy định về phân cấp hiện hành và các quy định tại Điều 5 của Quy chế này. Thủ trưởng đơn vị mua sắm chịu trách nhiệm xây dựng kế hoạch đấu thầu, Tổ thẩm định đấu thầu (trong trường hợp cần thiết), Tổ chuyên gia đấu thầu, hồ sơ mời thầu, tiêu chuẩn đánh giá chi tiết và kiến nghị kết quả đấu thầu trình cấp có thẩm quyền quyết định, phê</p>

095553383
 LawSoft * Tel: +84-8-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

Quyết định số 2368/QĐ-BTC	Quyết định số 787/QĐ-BTC
<p>3. Lựa chọn một tổ chức tư vấn hoặc một tổ chức đấu thầu chuyên nghiệp theo quy định của Luật Đấu thầu để thay mình làm bên mời thầu.</p> <p>4. Phê duyệt danh sách các nhà thầu tham gia đấu thầu, đưa ra yêu cầu đối với gói thầu chi định thầu và phê duyệt kết quả chi định thầu đối với các trường hợp được phân cấp hoặc ủy quyền theo quy định tại Quy chế này.</p>	<p>duyet theo quy định về phân cấp.</p> <p>3. Lựa chọn một tổ chức tư vấn hoặc một tổ chức đấu thầu chuyên nghiệp theo quy định của Luật Đấu thầu để thay mình làm bên mời thầu (nếu cần thiết).</p> <p>4. Phê duyệt danh sách các nhà thầu tham gia đấu thầu, đưa ra yêu cầu đối với gói thầu chi định thầu và phê duyệt kết quả chi định thầu đối với các trường hợp được phân cấp hoặc ủy quyền theo quy định về phân cấp và quy định tại Điều 5 của Quy chế này.</p>
Điều 86. Quyền và nghĩa vụ của bên mời thầu	Điều 83. Quyền và nghĩa vụ của bên mời thầu:
Điều 87. Quyền và nghĩa vụ của Tổ chuyên gia đấu thầu:	Điều 84. Quyền và nghĩa vụ của Tổ chuyên gia đấu thầu:
Điều 88. Quyền và nghĩa vụ của nhà thầu:	Điều 85. Quyền và nghĩa vụ của nhà thầu:
Điều 89. Quyền và nghĩa vụ của cơ quan, tổ chức thẩm định:	Điều 86. Quyền và nghĩa vụ của cơ quan, tổ chức thẩm định:
Chương XII KIỂM TRA, GIẢI QUYẾT KIẾN NGHỊ VÀ XỬ LÝ VI PHẠM PHÁP LUẬT TRONG ĐẤU THẦU	Chương XII KIỂM TRA, GIẢI QUYẾT KIẾN NGHỊ VÀ XỬ LÝ VI PHẠM PHÁP LUẬT TRONG ĐẤU THẦU
<p>Điều 90. Kiểm tra về đấu thầu:</p> <p>4. Nội dung kiểm tra đấu thầu bao gồm:</p> <p>a) Kiểm tra chứng chỉ đào tạo, bồi dưỡng về đấu thầu, chứng chỉ liên quan đến trình độ của đội ngũ cán bộ, chuyên gia đấu thầu và các văn bản pháp lý liên quan tới quá trình lựa chọn nhà thầu.</p> <p>b) Kiểm tra việc xây dựng kế hoạch đấu thầu theo các nội dung sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cơ sở pháp lý; - Nội dung của kế hoạch đấu thầu, tính hợp lý của việc phân chia các gói thầu và hình thức lựa chọn nhà thầu áp dụng cho các gói thầu; - Tiến độ thực hiện các gói thầu theo kế hoạch đấu thầu đã duyệt. Việc điều chỉnh kế hoạch đấu thầu (nếu có) và lý do điều chỉnh; - Việc trình duyệt và phê duyệt kế hoạch đấu thầu. <p>c) Kiểm tra việc xây dựng hồ sơ mời thầu, tổ chức lựa chọn nhà thầu để thực hiện các gói thầu theo các nội dung sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tính hợp lý, hợp pháp trong nội dung hồ sơ mời thầu. - Sự tuân thủ theo cơ sở pháp lý được duyệt như kế hoạch đấu thầu, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu; - Trình tự và thời gian thực hiện. <p>d) Phát hiện những tồn tại trong công tác đấu thầu và đề xuất biện pháp khắc phục.</p>	<p>Điều 87. Kiểm tra về đấu thầu:</p> <p>4. Nội dung kiểm tra đấu thầu bao gồm:</p> <p>a) Kiểm tra việc ban hành các văn bản hướng dẫn, chỉ đạo thực hiện công tác đấu thầu, phân cấp trong đấu thầu theo các nội dung sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cơ sở pháp lý của việc ban hành văn bản; - Thẩm quyền của cơ quan ban hành văn bản hướng dẫn, chỉ đạo thực hiện công tác đấu thầu; - Nội dung văn bản hướng dẫn, chỉ đạo thực hiện công tác đấu thầu, đặc biệt là các nội dung về phân cấp trình, thẩm định và phê duyệt trong đấu thầu, sự phù hợp với các văn bản pháp lý cấp cao hơn; - Tình hình thực tế áp dụng văn bản, những vướng mắc, khó khăn trong quá trình triển khai thực hiện (nếu có); <p>b) Kiểm tra chứng chỉ đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ đấu thầu, chứng chỉ liên quan đến trình độ của đội ngũ cán bộ chuyên gia đấu thầu.</p> <p>c) Kiểm tra việc xây dựng và phê duyệt kế hoạch đấu thầu theo các nội dung sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cơ sở pháp lý; - Nội dung của kế hoạch đấu thầu, tính hợp lý của việc phân chia gói thầu, hình thức lựa chọn nhà thầu và phương thức đấu thầu áp dụng cho các gói thầu, hình thức hợp đồng, thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu; - Việc điều chỉnh kế hoạch đấu thầu (nếu có) và lý do điều chỉnh; - Việc trình duyệt và phê duyệt kế hoạch đấu thầu, chất lượng báo cáo thẩm định kế hoạch đấu thầu. <p>d) Kiểm tra việc tổ chức lựa chọn nhà thầu thực hiện các gói thầu theo các nội dung sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sự tuân thủ quy định pháp luật về đấu thầu; - Sự tuân thủ theo cơ sở pháp lý được duyệt như kế hoạch đấu thầu, hồ sơ mời thầu, hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu; - Chất lượng hồ sơ mời thầu, hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu, báo

093553383
 LawSoft * Tel: +84-8-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

Quyết định số 2368/QĐ-BTC	Quyết định số 787/QĐ-BTC
	cáo đánh giá và báo cáo thẩm định hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu, kết quả lựa chọn nhà thầu; - Nội dung hợp đồng ký kết và việc tuân thủ các căn cứ pháp lý trong việc ký kết và thực hiện hợp đồng; - Trình tự và tiến độ thực hiện các gói thầu theo kế hoạch đấu thầu đã duyệt. đ) Phát hiện những tồn tại, sai sót trong công tác đấu thầu và đề xuất biện pháp khắc phục. Trường hợp phát hiện tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật về đấu thầu, trong Báo cáo kiểm tra cần đưa ra kiến nghị theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm (nếu có) đến người quyết định đầu tư của dự án đó. e) Kiểm tra tình hình thực hiện báo cáo về công tác đấu thầu.
Điều 91. Điều kiện để xem xét, giải quyết kiến nghị:	Điều 88. Điều kiện để xem xét, giải quyết kiến nghị:
Điều 92. Giải quyết kiến nghị:	Điều 89. Giải quyết kiến nghị:
Điều 93. Khiếu nại, tố cáo trong đấu thầu:	Điều 90. Khiếu nại, tố cáo trong đấu thầu
Điều 94. Xử lý vi phạm pháp luật về đấu thầu 1. Tổ chức, cá nhân vi phạm pháp luật về đấu thầu bị xử lý theo một hoặc các hình thức sau đây: a) Cảnh cáo được áp dụng đối với tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định của Luật Đấu thầu, Luật sửa đổi, trừ trường hợp quy định tại Điều 96 của Quy chế này; ... c) Cấm tham gia hoạt động đấu thầu được áp dụng đối với tổ chức, cá nhân vi phạm quy định tại Điều 96 của Quy chế này.	Điều 91. Xử lý vi phạm pháp luật về đấu thầu 1. Tổ chức, cá nhân vi phạm pháp luật về đấu thầu bị xử lý theo một hoặc các hình thức sau đây: a) Cảnh cáo được áp dụng đối với tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định của Luật Đấu thầu, Luật sửa đổi, trừ trường hợp quy định tại Điều 93 của Quy chế này; c) Cấm tham gia hoạt động đấu thầu được áp dụng đối với tổ chức, cá nhân vi phạm quy định tại Điều 95 của Quy chế này.
Điều 95. Nguyên tắc xử lý vi phạm: 1. Tổ chức, cá nhân ... theo quy định tại Điều 97, 98 của Quy chế này;...	Điều 92. Nguyên tắc xử lý vi phạm: 1. Tổ chức, cá nhân ... theo quy định tại Điều 94, Điều 95 của Quy chế này....
Điều 96. Thẩm quyền xử lý vi phạm pháp luật về đấu thầu: Người có thẩm quyền ... theo quy định tại Điều 84 của Quy chế này.	Điều 93. Thẩm quyền xử lý vi phạm pháp luật về đấu thầu: Người có thẩm quyền ... theo quy định tại Điều 81 của Quy chế này.
Điều 97. Hình thức phạt tiền:	Điều 94. Hình thức phạt tiền:
Điều 98. Hình thức cấm tham gia hoạt động đấu thầu:	Điều 95. Hình thức cấm tham gia hoạt động đấu thầu:
Điều 99. Hội đồng tư vấn:	Điều 96. Hội đồng tư vấn: Không thay đổi
Chương XIII CÁC QUY ĐỊNH KHÁC TRONG ĐẤU THẦU	Chương XIII CÁC QUY ĐỊNH KHÁC TRONG ĐẤU THẦU
Điều 100. Thông tin và trang thông tin điện tử về đấu thầu:	Điều 97. Thông tin và trang thông tin điện tử về đấu thầu:
Điều 101. Quy định về thời gian trong đấu thầu: 3. Thời gian chuẩn bị hồ sơ dự thầu tối thiểu là 15 ngày đối với đấu thầu trong nước, 30 ngày đối với đấu thầu quốc tế kể từ ngày phát hành hồ sơ mời thầu đến thời điểm đóng thầu; 5. Thời gian đánh giá hồ sơ dự thầu tối đa là 45 ngày đối với đấu thầu trong nước, 60 ngày đối với đấu thầu quốc tế, kể từ ngày mở thầu đến ngày bên mời thầu trình chủ đầu tư, người có thẩm quyền phê duyệt kết quả đấu thầu;	Điều 98. Quy định về thời gian trong đấu thầu: 3. Thời gian chuẩn bị hồ sơ dự thầu tối thiểu là 15 ngày đối với đấu thầu trong nước, 30 ngày đối với đấu thầu quốc tế kể từ ngày phát hành hồ sơ mời thầu đến thời điểm đóng thầu (trừ các gói thầu quy mô nhỏ được quy định tại Điều 55 của Quy chế này); 5. Thời gian đánh giá hồ sơ dự thầu tối đa là 45 ngày đối với đấu thầu trong nước, 60 ngày đối với đấu thầu quốc tế, kể từ ngày mở thầu đến ngày bên mời thầu trình chủ đầu tư, người có thẩm quyền phê duyệt kết quả đấu thầu (trừ các gói thầu quy mô nhỏ được quy định tại Điều 55 của Quy chế này);
Điều 102. Mẫu tài liệu đấu thầu: 2. Mẫu tài liệu đấu thầu được ban hành kèm theo Quy chế này gồm: a) Phần I: Mẫu hồ sơ mời thầu dịch vụ tư vấn; b) Phần II: Mẫu hồ sơ mời sơ tuyển gói thầu xây lắp;	Điều 99. Mẫu tài liệu đấu thầu: 2. Mẫu tài liệu đấu thầu được ban hành kèm theo Quy chế này gồm: a) Phần I: Mẫu hồ sơ mời thầu dịch vụ tư vấn; b) Phần II: Mẫu hồ sơ mời sơ tuyển gói thầu xây lắp;

Quyết định số 2368/QĐ-BTC	Quyết định số 787/QĐ-BTC
c) Phần III: Mẫu hồ sơ mời thầu xây lắp; d) Phần IV: Mẫu hồ sơ mời thầu mua sắm hàng hoá; e) Phần V: Mẫu báo cáo đánh giá hồ sơ dự thầu đối với gói thầu mua sắm hàng hoá, xây lắp; g) Phần VI: Mẫu báo cáo thẩm định kết quả đấu thầu. h) Phần VII: Mẫu cung cấp thông tin đấu thầu;	c) Phần III: Mẫu hồ sơ mời thầu xây lắp; d) Phần IV: Mẫu hồ sơ mời thầu mua sắm hàng hoá; e) Phần V: Mẫu báo cáo đánh giá hồ sơ dự thầu đối với gói thầu mua sắm hàng hoá, xây lắp; g) Phần VI: Mẫu báo cáo thẩm định kết quả đấu thầu. h) Phần VII: Mẫu cung cấp thông tin đấu thầu; i) Phần VIII: Mẫu hồ sơ yêu cầu chỉ định thầu tư vấn; k) Phần IX: Mẫu Hồ sơ yêu cầu chỉ định thầu xây lắp; l) Phần X: Mẫu Hồ sơ thầu mời thầu gói thầu xây lắp quy mô nhỏ; m) Phần XI: Mẫu báo cáo đánh giá hồ sơ dự thầu đối với gói thầu dịch vụ tư vấn; n) Phần XII: Mẫu báo cáo thẩm định hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu; o) Phần XIII: Mẫu báo cáo đánh giá HSDT mua sắm hàng hoá, xây lắp
Điều 103. Đấu thầu quốc tế:	Điều 100. Đấu thầu quốc tế:
Điều 104. Ưu đãi trong đấu thầu quốc tế:	Điều 101. Ưu đãi trong đấu thầu quốc tế:
Điều 105. Tổ chức đấu thầu chuyên nghiệp:	Điều 102. Tổ chức đấu thầu chuyên nghiệp:
Điều 106. Xử lý tình huống trong đấu thầu: 1. Việc xử lý tình huống trong đấu thầu phải tuân thủ theo các nguyên tắc sau đây: c) Người có thẩm quyền quy định tại Chương X của Quy chế này là người quyết định xử lý tình huống trong đấu thầu và chịu trách nhiệm trước pháp luật về quyết định của mình. 4. Trường hợp tại thời điểm đóng thầu, đóng sơ tuyển, hết hạn nộp hồ sơ quan tâm, hết hạn nộp hồ sơ đề xuất đối với chào hàng cạnh tranh có ít hơn 3 nhà thầu nộp hồ sơ thì bên mời thầu phải báo cáo ngay (trực tiếp, bằng điện thoại, thư điện tử, fax hoặc bằng văn bản) đến chủ đầu tư để báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, giải quyết trong thời hạn không quá 4 giờ theo một trong hai cách sau đây: 8. Trường hợp ... thì xử lý theo quy định tại khoản 6 Điều này. 9. Trường hợp tại khoản 2 Điều 104 Quy chế này.	Điều 103. Xử lý tình huống trong đấu thầu: 1. Việc xử lý tình huống trong đấu thầu phải tuân thủ theo các nguyên tắc sau đây: c) <u>Chủ đầu tư (đối với dự án đầu tư xây dựng, dự án đầu tư công nghệ thông tin), người có thẩm quyền, thủ trưởng đơn vị mua sắm (nếu được người có thẩm quyền uỷ quyền) theo theo quy định về phân cấp quyết định xử lý tình huống trong đấu thầu và chịu trách nhiệm trước pháp luật về quyết định của mình.</u> 4. Trường hợp tại thời điểm đóng thầu, đóng sơ tuyển, hết hạn nộp hồ sơ quan tâm, hết hạn nộp hồ sơ đề xuất đối với chào hàng cạnh tranh có ít hơn 3 nhà thầu nộp hồ sơ thì bên mời thầu phải báo cáo ngay (trực tiếp, bằng điện thoại, thư điện tử, fax hoặc bằng văn bản) đến chủ đầu tư (đối với dự án đầu tư xây dựng, dự án đầu tư công nghệ thông tin) hoặc cấp có thẩm quyền (đối với mua sắm hàng hoá, dịch vụ công nghệ thông tin không phải lập dự án, mua sắm hàng hoá, dịch vụ khác) xem xét, giải quyết trong thời hạn không quá 4 giờ theo một trong hai cách sau đây: 8. Trường hợp ... thì xử lý theo quy định tại khoản 7 Điều này. 9. Trường hợp ... theo quy định tại khoản 2 Điều 101 Quy chế này.
Điều 107. Hồ sơ trình duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu:	Điều 104. Hồ sơ trình duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu:
Điều 108. Thẩm định hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu và kết quả lựa chọn nhà thầu	Điều 105. Thẩm định hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu và kết quả lựa chọn nhà thầu
Điều 109. Đồng tiền dự thầu:	Điều 106. Đồng tiền dự thầu:
Điều 110. Ngôn ngữ trong đấu thầu:	Điều 107. Ngôn ngữ trong đấu thầu
Điều 111. Chi phí trong đấu thầu:	Điều 108. Chi phí trong đấu thầu:
Chương XIV TỔ CHỨC THỰC HIỆN:	Chương XIV TỔ CHỨC THỰC HIỆN:
Điều 112.	Điều 109.
Điều 113.	Điều 110.
Điều 114.	Điều 111.